

BẢO ĐẢM CỦA UTZ

Quy chế Chứng nhận

Phiên bản 4.3 tháng 12 năm 2018



Better farming
Better future

Bản sao và bản dịch của tài liệu này có ở định dạng điện tử trên
website của UTZ:
www.utz.org/resource-library

Mọi ý kiến đóng góp vui lòng gửi đến:
Certification@utz.org

Hoặc gửi qua đường bưu điện đến:
UTZ
Standards & Assurance Department
De Ruyterkade 6 bg
1013 AA Amsterdam
The Netherlands

© UTZ 2018

Không phần nào của ấn phẩm này được phép tái bản, lưu trữ trong hệ thống có thể truy xuất, hoặc chuyển thành bất kỳ dạng nào hay bởi bất kỳ cách nào, điện tử, cơ học, sao chụp, ghi âm hay cách nào khác khi không có thẩm quyền tuyệt đối.

Nội dung

| | |
|--|----|
| 1. GIỚI THIỆU..... | 3 |
| 1.1. Quy chế Chứng nhận là gì? | 3 |
| 1.2. Tại sao phải cập nhật phiên bản mới? | 3 |
| 1.3. Khi nào phải tuân thủ theo Quy chế Chứng nhận phiên bản 4.3 | 3 |
| 1.4. Phạm vi của tài liệu này | 4 |
| 1.5. Các tài liệu và bản dịch khác có liên quan | 4 |
| 1.6. Liên lạc với UTZ | 5 |
| 1.7. Từ viết tắt | 6 |
| 1.8. Định nghĩa | 6 |
| 1.9. Tuân thủ luật pháp quốc gia | 9 |
| 2. QUÁ TRÌNH CHỨNG NHẬN | 10 |
| 2.1. Giới thiệu | 10 |
| 2.2. Ai phải được chứng nhận và/hoặc được cấp phép?..... | 10 |
| 2.3. Quá trình chứng nhận chung | 14 |
| 2.4. Quá trình Chứng nhận đối với Bộ nguyên tắc..... | 25 |
| Áp dụng cho thành viên là: | 27 |
| Thành viên về Chè/Rooibos hoặc Cà phê, tức là:..... | 27 |
| 2.5. Quá trình Chứng nhận Quy trình Giám sát Nguồn gốc..... | 32 |
| 2.6. Các quyền được bảo lưu bởi UTZ | 36 |
| 3. TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN | 37 |
| 3.1. Tuân thủ ISO 17065 và/hoặc ISO 17021 | 37 |
| 3.2. Tính công bằng và bảo mật..... | 37 |
| 3.3. Báo cáo kết quả đánh giá và đề nghị cấp phép | 38 |
| 3.4. Đánh giá đột xuất | 38 |
| 3.5. Báo cáo hàng năm | 40 |
| 4. BẢO ĐẢM CỦA CHƯƠNG TRÌNH UTZ | 42 |
| 4.1. Thủ tục Khiếu nại | 42 |
| 4.2. Hệ thống Giám sát CB | 42 |
| 4.3. Chính sách xử phạt | 42 |
| 4.4. Chương trình Đào tạo CB | 42 |

1. GIỚI THIỆU

1.1. Quy chế Chứng nhận là gì?

UTZ là một chương trình và nhãn hiệu cho canh tác bền vững trên toàn thế giới.

Quy chế Chứng nhận của UTZ mô tả quy trình trở thành thành viên được chứng nhận UTZ hoặc trở thành Tổ chức Chứng nhận (CB) được UTZ phê duyệt. Quy chế này giải thích những thành viên nào cần phải được đánh giá và sẽ thực hiện đánh giá như thế nào và khi nào. Quy chế Chứng nhận cũng mô tả các thỏa thuận xác định mối quan hệ giữa các CB và UTZ.

Quy chế Chứng nhận UTZ có 4 phần:

1. **GIỚI THIỆU:** Chứa các nội dung tổng quát của tài liệu này, như tại sao phải cập nhật phiên bản mới, phạm vi, từ viết tắt và định nghĩa.
2. **QUY TRÌNH CHỨNG NHẬN:** Mô tả các thủ tục và điều kiện chứng nhận dựa trên các tiêu chuẩn của UTZ.
3. **TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN (CB):** Mô tả nghĩa vụ và trách nhiệm phát sinh khi trở thành một CB được UTZ phê duyệt.
4. **ĐẢM BẢO:** Mô tả hệ thống bảo đảm chất lượng của chương trình UTZ, gồm có Thủ tục Khiếu nại của UTZ, Hệ thống Giám sát CB, Chính sách Xử phạt và Chương trình Đào tạo CB.

1.2. Tại sao phải cập nhật phiên bản mới?

Các tiêu chuẩn và chính sách của UTZ đã được sửa đổi, cải tiến và cập nhật định kỳ dựa trên những thay đổi của chương trình UTZ, kinh nghiệm trước đây với các tiêu chuẩn/chính sách và ý kiến phản hồi từ các bên liên quan.

Phiên bản trước của Quy chế Chứng nhận UTZ (phiên bản 4.2 tháng 1 năm 2018) đã được sửa đổi nhằm:

- Cập nhật các điều kiện về cấp chứng nhận lại sau khi huỷ bỏ chứng nhận;
- Cung cấp định nghĩa rõ ràng hơn về các tùy chọn chứng nhận khác nhau có trong chương trình UTZ.

1.3. Khi nào phải tuân thủ theo Quy chế Chứng nhận phiên bản 4.3

Quy chế Chứng nhận UTZ phiên bản 4.3 tháng 12 năm 2018 thay thế Quy chế Chứng nhận UTZ phiên bản 4.2 tháng 1 năm 2018. Phiên bản 4.3 là phiên bản sửa đổi của phiên bản 4.2 tháng 1 năm 2018. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2019 trở đi, Quy chế Chứng nhận UTZ phiên bản 4.3 tháng 12 năm 2018 sẽ là bắt buộc và phiên bản 4.2 tháng 1 năm 2018 sẽ không còn hiệu lực.

Các CB và nhân viên của mình, những người đã được phê duyệt theo các phiên bản trước của Quy chế Chứng nhận UTZ sẽ vẫn được phê duyệt theo Quy chế Chứng nhận UTZ phiên bản 4.2 và 4.3, và không cần nộp lại đơn xin phê duyệt cho các văn phòng, phạm vi, Người quản lý chương trình và người cấp chứng nhận đã được phê duyệt. Tương tự, các đánh giá viên đã được CB phê chuẩn sẽ vẫn tiếp tục được phê duyệt (trong nội bộ). Tuy nhiên, từ ngày 1 tháng 1 năm 2019 trở đi, tất cả các văn phòng, Người quản lý chương trình, người cấp chứng nhận và các đánh giá viên phải tuân theo các yêu cầu về đào tạo được mô tả trong mục *Yêu cầu đối với các Tổ chức Chứng nhận* (xem mục 1.5).

Việc thu hồi quy định cho phép các giấy chứng nhận Quy trình Giám sát Nguồn gốc có hiệu lực 3 năm (xem mục 2.5.3) có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 trở đi.

1.4. Phạm vi của tài liệu này

Tài liệu này áp dụng cho các bên sau đây:

- Các thành viên UTZ
- Các CB đang và đã được phê duyệt
- UTZ

1.5. Các tài liệu và bản dịch khác có liên quan

Quy chế Chứng nhận được dịch sang nhiều ngôn ngữ. Trong trường hợp nghi ngờ về tính chính xác của thông tin trong bản dịch tài liệu này, hãy tham khảo phiên bản tiếng Anh, là phiên bản chính thức và bắt buộc.

Bản dịch cũng như các tài liệu bổ sung liên quan có trên trang web của UTZ. Các tài liệu này bao gồm:

- **Bộ nguyên tắc (Code):** Tiêu chuẩn cho những nhà sản xuất / nhóm nhà sản xuất có các phương pháp canh tác và điều kiện làm việc tốt hơn cũng như chăm sóc tốt hơn thiên nhiên và các thể hệ sau. Nếu nhà sản xuất / nhóm nhà sản xuất áp dụng các yêu cầu của Bộ nguyên tắc và nhận được một cuộc đánh giá được thực hiện bởi một Tổ chức chứng nhận (CB) đã được phê duyệt mà kết quả là được chứng nhận, họ được phép bán các sản phẩm của họ như sản phẩm được chứng nhận UTZ.
- **Tiêu chuẩn Quy trình giám sát Nguồn gốc (ChoC):** Tiêu chuẩn cho các thành viên chuỗi cung ứng (SCAs) nhằm để cung cấp sự tin tưởng cao về các sản phẩm được chứng nhận UTZ có liên quan về mặt thực tế hoặc hành chính (trong trường hợp cân bằng khối lượng) đến các nhà sản xuất được chứng nhận UTZ, và đảm bảo khả năng truy nguyên nguồn gốc của sản phẩm được chứng nhận UTZ. Chứng nhận theo Tiêu chuẩn Quy trình Giám sát Nguồn gốc đảm bảo rằng các sản phẩm mà một thành viên chuỗi cung ứng (SCA) được chứng nhận khi bán ra đều được chứng nhận UTZ và được kinh doanh và xử lý theo các yêu cầu do UTZ đề ra.
- **Yêu cầu đối với các Tổ chức Chứng nhận:** Cùng với Quy chế Chứng nhận, tài liệu này mô tả Hệ thống Bảo đảm của UTZ. Tài liệu bao gồm quy trình và các yêu cầu để trở thành một Tổ chức Chứng nhận (CB) được UTZ phê duyệt, cũng như các yêu cầu phê duyệt dành cho nhân viên của CB. Hơn nữa, phương thức được UTZ sử dụng để giám sát hiệu quả hoạt động của CB cũng được mô tả, cũng như Chính sách Xử phạt áp dụng bất cứ khi nào sự đảm bảo của các Tiêu chuẩn UTZ bị tổn hại. Cuối cùng, tài liệu này giải thích Chương trình Đào tạo CB của UTZ, tạo thành một phần không thể tách rời của quy trình phê duyệt.
- **Danh sách các CB được phê duyệt:** Danh sách gồm các CB được UTZ phê duyệt thực hiện đánh giá chứng nhận UTZ. Ngoài ra cũng cung cấp chỉ dẫn cho biết khu vực/quốc gia nào mỗi CB có thể thực hiện đánh giá.
- **Danh mục kiểm tra Bộ nguyên tắc (Code) và Quy trình giám sát nguồn gốc (ChoC):** Danh sách tổng hợp tất cả các điểm kiểm soát (CP) và các câu hỏi dùng cho mục đích giám sát và đánh giá và có thêm một cột để điền ý kiến nhận xét. Các tài liệu này phải được sử dụng bởi thành viên (và các nhà thầu phụ của họ) để tự đánh giá và có thể được các đánh giá viên từ các CB sử dụng để thực hiện đánh giá (xem mục 2.3).
- **Chính sách Ghi nhãn và Nhãn hiệu thương mại:** Tài liệu xác định các yêu cầu về:

- Ghi nhãn trên bao bì của cả sản phẩm bán lẻ và sản phẩm dịch vụ thực phẩm, ví dụ như nhãn UTZ trên các bao bì đối với thị trường bán lẻ và các bao bì hạt trên thị trường dịch vụ thực phẩm.
- Sử dụng nhãn hiệu thương mại UTZ ngoài bao bì sản phẩm, ví dụ sử dụng nhãn hiệu thương mại UTZ trên trang web, quảng cáo hoặc báo cáo doanh nghiệp.

Việc ghi nhãn bao gồm tất cả các tham chiếu tới các thành phần được chứng nhận UTZ, gồm cả sử dụng và không sử dụng logo. Các từ ngữ chính xác (công bố văn bản) là một phần của chính sách cũng như các chi tiết về việc sử dụng biểu tượng logo thích hợp (màu sắc, vị trí, kích cỡ).

- **Các Tài liệu Hướng dẫn:** Bộ tài liệu này cung cấp hướng dẫn về việc áp dụng và đánh giá các tiêu chuẩn UTZ đối với các chủ đề cụ thể hoặc các quốc gia cụ thể.
- **Tài liệu Hướng dẫn cho Chương trình UEBT/UTZ:** Tài liệu giải thích về cơ cấu và quy trình chứng nhận theo chương trình về chè thảo mộc kết hợp giữa Liên minh về Đạo đức Thương mại Đa dạng Sinh học (UEBT) và UTZ. Chương trình UEBT/UTZ là chương trình hợp tác dựa trên sự thừa nhận của UTZ về Tiêu chuẩn Thương mại Đa dạng sinh học có Đạo đức và Quy chế Chứng nhận của UEBT/UTZ. Sau khi UEBT cấp giấy chứng nhận Bộ Nguyên tắc, Quy trình Giám sát Nguồn gốc UTZ và Quy chế Chứng nhận UTZ áp dụng cho phần còn lại của chuỗi cung ứng cho đến khi sản xuất các sản phẩm tiêu dùng cuối.

1.6. Liên lạc với UTZ

Hỗ trợ CB

CB có thể liên lạc Bộ phận Tiêu chuẩn và Bảo đảm của UTZ bằng cách sử dụng các địa chỉ e-mail sau đây, ví dụ như đối với các câu hỏi về các tiêu chuẩn UTZ, các vấn đề về tuân thủ Quy chế Chứng nhận, thông tin về các thành viên (ví dụ như đình chỉ và thu hồi giấy chứng nhận và giấy phép) và phê duyệt, đào tạo CB.

- certification@utz.org cho Chứng nhận Cà phê, Cacao, Chè (gồm Rooibos và Chè thảo mộc) và chứng nhận Hazelnut
- cbmanagement@utz.org cho các tài khoản và phê duyệt của CB
- cbmonitoring@utz.org cho giám sát CB
- cbtraining@utz.org cho đào tạo CB

Hỗ trợ thành viên

Các thành viên có thể liên lạc với Nhóm hỗ trợ Thành viên UTZ theo địa chỉ membersupport@utz.org, ví dụ như các câu hỏi về các tiêu chuẩn UTZ, các vấn đề về tuân thủ Quy chế Chứng nhận, và hồ sơ xin miễn đánh giá.

Hỗ trợ Truy nguyên Nguồn gốc (cho các thành viên và CB)

Các thành viên và CB có thể liên lạc techsupport@utz.org để được hỗ trợ truy cập hoặc sử dụng các hệ thống truy nguyên nguồn gốc (Cổng thông tin thành viên GIP hoặc MultiTrace).

1.7. Từ viết tắt

Các từ viết tắt sau được sử dụng trong tài liệu này:

| | |
|------|---|
| CB | Certification Body - Tổ chức Chứng nhận |
| Code | Code of Conduct - Bộ nguyên tắc |
| Choc | Chain of Custody Standard - Tiêu chuẩn Quy trình Giám sát Nguồn gốc |
| CP | Control point - Điểm kiểm soát |
| GIP | Good Inside Portal ¹ - Cổng thông tin thành viên |
| IMS | Internal Management System - Hệ thống Quản lý Nội bộ |
| IP | Identity Preserved - Bảo đảm nhận dạng (cấp độ truy nguyên) |
| MB | Mass Balance - Cân bằng Khối lượng (cấp độ truy nguyên) |
| S&A | Standards & Assurance - Tiêu chuẩn & Bảo đảm (bộ phận của UTZ) |
| SCA | Supply Chain Actor - Thành viên Chuỗi Cung ứng |
| SG | Segregation - Tách biệt (cấp độ truy nguyên) |

1.8. Định nghĩa

Nếu không được chỉ định khác, thuật ngữ "nhà sản xuất", "nhóm nhà sản xuất", "SCA" và "CB" trong tài liệu lần lượt đề cập tới các nhà sản xuất được chứng nhận UTZ, nhóm nhà sản xuất được chứng nhận UTZ, SCA được chứng nhận UTZ và các CB được UTZ phê duyệt.

| | |
|-------------------------------------|--|
| Mẫu báo cáo đánh giá bổ sung | Mẫu định dạng Word được các CB sử dụng để báo cáo kết quả đánh giá cho UTZ, sẽ được sử dụng cho các kết quả đánh giá mà không được ghi lại trong hệ thống truy nguyên UTZ, ví dụ như trong trường hợp đánh giá đột xuất, đánh giá mở rộng (yêu cầu đánh giá của CB), và/hoặc các đánh giá khác ngoài quy trình đánh giá thông thường (xem mục 2.4 và 2.5) |
| Đánh giá viên | Người có năng lực thực hiện đánh giá thay cho và theo trách nhiệm của CB. Theo một phương thức hợp lý, các đánh giá viên sẽ thu thập bằng chứng để đánh giá xem các tiêu chí, tiêu chuẩn đã được đáp ứng như thế nào. Họ phải là những người khách quan, công bằng và có đủ năng lực. |
| Đánh giá | Quá trình có hệ thống, độc lập và được lập thành văn bản để thu thập và đánh giá các bằng chứng từ cuộc đánh giá để xác định mức độ đáp ứng được các yêu cầu về chứng nhận UTZ. |
| - Đánh giá chứng nhận | Cuộc đánh giá được tiến hành bởi một CB để xác định mức độ một thành viên đáp ứng các yêu cầu của chứng nhận UTZ và căn cứ vào đó quyết định chứng nhận được thực hiện và một giấy chứng nhận có thể được ban hành. |
| - Đánh giá mở rộng | Cuộc đánh giá được tiến hành bởi một CB để đánh giá những thay đổi về thông tin chứng nhận trong khi giấy chứng nhận vẫn còn hiệu lực. Những cuộc đánh giá mở rộng cung cấp một phương thức để xác nhận khối lượng bổ sung hoặc các hoạt động chế biến mới hoặc bổ sung diện tích, các địa điểm hoặc các thành viên nhóm mới vào một giấy chứng nhận. |
| - Đánh giá theo dõi | Cuộc đánh giá được tiến hành bởi một CB để xác nhận việc thực hiện hành động khắc phục. Các cuộc đánh giá theo dõi cung cấp một phương thức để khép lại những lỗi không phù hợp đã được phát hiện trong một cuộc đánh giá trước đó. Những cuộc đánh giá theo dõi có thể nhưng không nhất thiết phải là những cuộc đánh giá thực tế. |
| - Đánh giá song song | Thực hiện đánh giá thay mặt cho UTZ sau khi một CB đã thực hiện đánh giá trên cùng một đối tượng đánh giá trên cùng một phạm vi. Áp dụng đánh giá song song để đánh giá hiệu quả làm việc của CB và đánh giá viên thực hiện đánh giá trước đó. |
| - Đánh giá thực tế | Một đánh giá viên cần phải đến thăm các cơ sở bất kỳ của thành viên để thu thập bằng chứng đánh giá nhằm xác định mức độ đáp ứng các yêu cầu về chứng nhận UTZ. |
| - Đánh giá trước (tiền đánh giá) | Cuộc đánh giá được thực hiện bởi một CB với một thành viên (chưa được chứng nhận), mục đích là để đánh giá các hoạt động nào vẫn còn phải được thực hiện trước khi một cuộc đánh giá cấp chứng nhận có khả năng thành công. Đánh giá trước không được xem là hoạt động tư vấn. |

¹ Một trong những hệ thống truy nguyên trực tuyến của UTZ, có thể truy cập tại www.goodinsideportal.org

| | |
|---|--|
| - Đánh giá chứng kiến | Thực hiện đánh giá thay mặt cho UTZ bằng cách chứng kiến cuộc đánh giá (đánh giá chứng nhận hoặc đánh giá theo dõi thực tế) do một CB tiến hành. Đánh giá chứng kiến được sử dụng để đánh giá hiệu quả làm việc của CB và đánh giá viên thực hiện cuộc đánh giá. |
| - Đánh giá đột xuất | Cuộc đánh giá được thông báo vắng tất cho thành viên và do CB thực hiện trong thời gian giấy chứng nhận còn hiệu lực. Việc này được thực hiện nhằm đánh giá xem các thành viên có đáp ứng được tất cả các yêu cầu của UTZ và/hoặc để đánh giá hiệu quả làm việc của đánh giá viên của CB tiến hành cuộc đánh giá vừa qua. |
| Năm dương lịch | Giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến hết ngày 31 tháng 12. |
| Giấy chứng nhận | Tài liệu được ban hành bởi một CB được UTZ phê duyệt khi một thành viên tuân thủ các yêu cầu của một hoặc nhiều tiêu chuẩn UTZ. Giấy chứng nhận cung cấp cơ sở để đề nghị một giấy phép trong GIP cho thành viên được chứng nhận để kinh doanh các sản phẩm được chứng nhận UTZ. |
| Tổ chức Chứng nhận | Công ty bên thứ ba tiến hành các cuộc đánh giá đối với một hoặc nhiều tiêu chuẩn của UTZ. |
| Người cấp chứng nhận | Nhân viên của CB (hoặc nhà thầu độc lập được thuê) đã được UTZ phê duyệt để ra các quyết định chứng nhận. |
| Thu hoạch liên tục | Tình huống trong đó sản phẩm được chứng nhận được thu hoạch liên tục trong ít nhất 10 tháng. Các quy định về thu hoạch liên tục chỉ áp dụng cho chương trình chè UTZ. |
| Sự khắc phục | Hành động để loại bỏ một lỗi không phù hợp. |
| Hành động khắc phục | Hành động để loại bỏ các nguyên nhân gây ra lỗi không phù hợp để ngăn ngừa tái diễn. Hành động khắc phục phải tương ứng với những ảnh hưởng của các lỗi không phù hợp đã gặp phải. |
| Trang trại | Toàn bộ đất đai và cơ sở vật chất sử dụng cho sản xuất nông nghiệp và các hoạt động chế biến dưới cùng hệ thống quản lý và cùng quy trình vận hành. Một trang trại có thể bao gồm vài lô đất trồng không liền kề được chứng nhận UTZ và các lô đất trồng không được chứng nhận UTZ, miễn là tất cả chúng đều có cùng phương tiện sản xuất như nhân công, máy móc, nhà ở trang trại, nguồn cấp nước, trang thiết bị, v.v. Các điểm kiểm soát từ Phần A và Phần B áp dụng cho mùa vụ được chứng nhận UTZ, trong khi các điểm kiểm soát từ Phần C và Phần D áp dụng cho toàn bộ trang trại. Một trang trại không thể đồng thời được bao gồm trong phạm vi của nhiều hơn một đơn vị sở hữu chứng nhận UTZ. Nếu một trang trại tham gia vào chứng nhận đa địa điểm, chủ trang trại hoặc nhà điều hành trang trại hợp nhất hệ thống quản lý của mình với hệ thống của những trang trại khác thành một hệ thống quản lý chung. |
| Bên trung gian | Bất kỳ người nào tham gia giao dịch (mua và bán) sản phẩm được chứng nhận UTZ trước khi sản phẩm đến tay người mua đầu tiên. Các bên trung gian cũng có thể xử lý thực tế và dựa trên hoạt động của họ, bên trung gian sẽ phải tuân thủ các yêu cầu áp dụng của Bộ Nguyên tắc. UTZ không khuyến khích sử dụng các bên trung gian nhưng thừa nhận rằng họ rất quan trọng đối với một số chuỗi cung ứng nhất định. Do đó họ có thể được bao gồm trong phạm vi chứng nhận miễn là nhà sản xuất/nhóm nhà sản xuất có thể đảm bảo sự tuân thủ. |
| Thanh tra nội bộ | Thay mặt cho IMS, một hoặc nhiều thanh tra viên nội bộ sẽ tiến hành đánh giá sự phù hợp tất cả các yêu cầu áp dụng của Bộ nguyên tắc UTZ của các thành viên nhóm và bên trung gian. |
| Thanh tra viên nội bộ | Người được IMS bổ nhiệm tiến hành thanh tra nội bộ các thành viên nhóm đơn lẻ. |
| Hệ thống Quản lý Nội bộ (IMS) | Một hệ thống quản lý chất lượng được lưu văn bản cần thiết cho chứng nhận Bộ nguyên tắc nhóm và đa nhóm. Mục đích của IMS là để tạo điều kiện cho nhóm có thể tổ chức và quản lý hiệu quả và để đảm bảo rằng nhóm và các thành viên trong nhóm thực hiện theo các yêu cầu áp dụng của Bộ nguyên tắc UTZ. |
| Giấy phép | Giấy phép do UTZ cấp cho các thành viên để sử dụng nhãn hiệu UTZ và hệ thống truy nguyên UTZ để ghi lại các giao dịch, quản lý và lưu trữ các phê duyệt ghi nhãn sản phẩm UTZ. |
| Đề nghị cấp giấy phép | Bảng câu hỏi trong hệ thống truy nguyên UTZ, được trả lời bởi các CB để báo cáo kết quả đánh giá cho UTZ và thay mặt thành viên để đề nghị cấp giấy phép. |
| Thành viên | Tất cả các nhà sản xuất, nhóm sản xuất và các SCA đã đăng ký thành công với UTZ. |
| Không phù hợp | Không hoàn thành một yêu cầu của một trong các tiêu chuẩn của UTZ. |
| Nhà phân phối (còn gọi là dịch vụ thực phẩm) | Một công ty mua sản phẩm tiêu dùng cuối và xử lý sản phẩm trước khi phục vụ hoặc bán cho người tiêu dùng. |
| Sản xuất song song | Bất kỳ hoạt động sản xuất nào ở cùng một trang trại đang trồng cùng loại sản phẩm trên một số lô đất đã được chứng nhận UTZ và cả trên những lô đất khác chưa được chứng nhận UTZ. |
| Xử lý thực tế | Bất cứ hoạt động nào bao gồm tiếp xúc vật lý với các sản phẩm chưa được đóng túi, dán kín hoặc đóng gói. Các hoạt động được coi là xử lý thực tế sẽ được liệt kê trong các phụ lục sản phẩm cụ thể của ChoC. |

| | |
|--|--|
| Lô đất (thửa) | Một khu đất có chung một đường ranh giới liên tục trong một trang trại. Một lô đất được trồng với một loại cây trồng cụ thể được chứng nhận UTZ, bất kể giai đoạn phát triển của cây trồng, và được trồng riêng hoặc trồng kết hợp với các loại cây trồng khác. Một lô đất được canh tác sử dụng các phương pháp canh tác và đầu vào giống nhau. |
| Nhà sản xuất | Cá nhân hoặc tổ chức đại diện cho trang trại và có trách nhiệm đối với sản phẩm được bán ra từ trang trại đó. |
| Nhóm nhà sản xuất | Một nhóm các nhà sản xuất có tổ chức là một phần của IMS chung và được chứng nhận theo phương thức "chứng nhận nhóm" hoặc "chứng nhận đa nhóm". Nhóm có thể được tổ chức theo một hiệp hội, hợp tác xã hoặc được quản lý bởi một thành viên chuỗi cung ứng (như một nhà xuất khẩu) hoặc một tổ chức khác. |
| Nhà bán lẻ | Chuỗi siêu thị hoặc các điểm bán hàng khác cho các sản phẩm tiêu dùng cuối cùng mà người tiêu dùng trực tiếp có thể tiếp cận được. Hạng mục này bao gồm cả các nhà bán buôn. |
| Nguyên nhân gốc rễ | Nguyên nhân cốt lõi khiến cho vấn đề xảy ra. |
| Người quản lý chương trình | Nhân viên của CB chịu trách nhiệm về công tác quản lý hành chính tài khoản của CB trong chương trình UTZ. |
| Tự đánh giá | Việc đánh giá mức độ thực hiện của chính mình với một hoặc nhiều hơn một tiêu chuẩn UTZ được tiến hành bởi hoặc thay mặt cho một thành viên. |
| SCA Khối lượng Nhỏ | Một SCA có thể xử lý thực tế một khối lượng nhỏ của tổng sản phẩm (sản phẩm UTZ + không UTZ cùng loại). Khối lượng xác định hạng mục này được xác định theo sản phẩm cụ thể (xem mục 2.2.2). |
| Nhà thầu phụ | Một pháp nhân đã ký hợp đồng với một đơn vị thành viên đang xin hoặc đã được chứng nhận để thực hiện các nhiệm vụ cụ thể có trong phạm vi chứng nhận của UTZ. Các hoạt động này có thể là từ các dịch vụ nông nghiệp (phun thuốc trừ sâu) đến các dịch vụ hành chính (phân phối giá thường). Nhà thầu phụ theo định nghĩa không có quyền sở hữu hợp pháp đối với sản phẩm được chứng nhận UTZ. Tùy thuộc vào hoạt động của nhà thầu phụ, mọi yêu cầu áp dụng trong Bộ Nguyên tắc và/hoặc Tiêu chuẩn Quy trình Giám sát Nguồn gốc đều sẽ phải được tuân thủ. |
| Thành viên Chuỗi cung ứng (SCA) | Một tổ chức hoạt động trong chuỗi cung ứng UTZ và không phải là một nhà sản xuất / nhóm nhà sản xuất. Ví dụ như SCA là những nhà chế biến (bao gồm cả nhà thầu phụ) và thương mại. |
| Cấp độ truy nguyên | Xác định cấp độ mà một sản phẩm có thể được truy nguyên đến nguồn đã được chứng nhận của sản phẩm đó. Trong chương trình UTZ, có ba tùy chọn (IP, SG, MB) về cấp độ truy nguyên có thể áp dụng với sản phẩm được chứng nhận và các quy trình liên quan. Đảm bảo Nhận dạng (IP): Nhận dạng của một nhà sản xuất/nhóm nhà sản xuất được duy trì trong toàn bộ chuỗi cung ứng. Sản phẩm có thể được truy nguyên tới cấp độ nhà sản xuất/nhóm nhà sản xuất đã tạo ra sản phẩm. Một biến thể khác của cấp độ truy nguyên IP là Đảm bảo Nhận dạng Trộn lẫn (MixIP). Ở cấp độ này, sản phẩm từ nhiều nhà sản xuất/nhóm nhà sản xuất được trộn lẫn với nhau, nhưng sản phẩm có thể được truy nguyên trở về nhóm các nhà sản xuất này. Các yêu cầu áp dụng đối với cấp độ truy nguyên IP cũng áp dụng cho MixIP. Tách biệt (SG): Sản phẩm có chứng nhận UTZ từ các nhà sản xuất/nhóm nhà sản xuất khác nhau được trộn lẫn. Sản phẩm được sản xuất bởi các nhà sản xuất/nhóm nhà sản xuất có chứng nhận UTZ, tuy nhiên nhận dạng của nhà sản xuất cụ thể bị mất. Cân bằng Khối lượng (MB) (Lưu ý: tùy chọn MB chỉ thực hiện được đối với các SCA Cacao và Hazelnut được UTZ chứng nhận): Khả năng truy nguyên hành chính của một sản phẩm được chứng nhận. Khả năng truy nguyên cân bằng khối lượng cho phép một phần sản phẩm đầu ra của SCA được bán với công bố UTZ MB, tương ứng với lượng hàng đầu vào có chứng nhận UTZ (và xem xét tỉ lệ chuyển đổi). |
| Sản phẩm được chứng nhận UTZ | Đối với IP và SG: sản phẩm do một nhà sản xuất / nhóm nhà sản xuất được chứng nhận UTZ sản xuất và được lưu trữ tách biệt vật lý với các sản phẩm không được chứng nhận UTZ. Đối với MB: sản phẩm có liên quan về mặt hành chính với một lượng sản phẩm tương đương do một nhà sản xuất / nhóm nhà sản xuất được chứng nhận UTZ sản xuất. |
| Hệ thống truy nguyên UTZ | Một hệ thống trực tuyến được tất cả các thành viên trong chương trình UTZ sử dụng để lưu trữ thông tin của CB và thành viên, lập kế hoạch đánh giá, báo cáo kết quả đánh giá, đăng ký các giao dịch của sản phẩm được chứng nhận UTZ, và đề nghị cấp và nhận được các phê duyệt ghi nhận. UTZ hiện đang làm việc với hai hệ thống truy nguyên song song: Cổng Thông tin Thành viên (GIP) và MultiTrace. Thuật ngữ hệ thống truy nguyên UTZ nói đến một trong hai trang này, có thể hoán đổi cho nhau, trừ khi được đề cập một cách rõ ràng. |

Theo thuật ngữ ISO, các định nghĩa sau áp dụng để hiểu cách diễn giải Quy chế Chứng nhận này:

- "phải" biểu thị một **yêu cầu**
- "nên" biểu thị một **đề xuất**
- "có thể" (may) được dùng để biểu thị rằng được phép làm gì đó
- "có thể" (can) được dùng để biểu thị rằng điều gì đó là có thể, ví dụ, một tổ chức hoặc cá nhân có thể làm gì đó

1.9. Tuân thủ luật pháp quốc gia

UTZ luôn nỗ lực để các thành viên và các CB trở thành hình mẫu trong việc cải thiện điều kiện kinh tế, xã hội và môi trường trong mọi lĩnh vực hoạt động của họ. Về vấn đề này, các thành viên và các CB luôn tuân thủ luật pháp, các quy định quốc gia cũng như các thỏa thuận trong ngành hoặc các thỏa ước lao động tập thể.

2. QUÁ TRÌNH CHỨNG NHẬN

2.1. Giới thiệu

Để thúc đẩy hoạt động canh tác bền vững, UTZ đã phát triển hai tiêu chuẩn: Bộ nguyên tắc (Code) và Tiêu chuẩn Quy trình Giám sát Nguồn gốc (ChoC) (xem mục 1.5). Các nhà sản xuất / nhóm nhà sản xuất và SCA nếu muốn bán và/hoặc mua sản phẩm của họ như sản phẩm được chứng nhận UTZ thì họ phải trở thành một thành viên của UTZ² và đáp ứng tất cả các yêu cầu áp dụng từ các tiêu chuẩn áp dụng.³

Hầu hết các thành viên cũng cần phải được chứng nhận (nhận được một cuộc đánh giá chứng nhận) và/hoặc nhận được một giấy phép sử dụng nhãn hiệu thương mại UTZ. Phần còn lại của chương này sẽ giải thích cho biết trường hợp này cho thành viên nào, và mô tả quy trình chứng nhận và cấp giấy phép.

2.2. Ai phải được chứng nhận và/hoặc được cấp phép?

2.2.1 Ai phải được chứng nhận?

Chứng nhận được cung cấp bởi một cơ quan độc lập đảm bảo bằng văn bản (một giấy chứng nhận) cho một sản phẩm, dịch vụ hoặc một hệ thống đã đáp ứng được các yêu cầu cụ thể. Đối với chứng nhận UTZ, điều này đòi hỏi phải tiếp nhận một cuộc đánh giá từ một CB được UTZ phê duyệt dựa trên các yêu cầu của Code và/hoặc ChoC.

Các nhà sản xuất / nhóm nhà sản xuất

Tất cả các nhà sản xuất / nhóm nhà sản xuất khi bán sản phẩm của chính họ như các sản phẩm được chứng nhận UTZ đều phải được chứng nhận theo **Code**.

Các nhà sản xuất / nhóm nhà sản xuất (cũng) phải được chứng nhận theo **ChoC** nếu họ:

- Thực hiện các hoạt động xử lý thực tế không có trong Code⁴ và/hoặc
- Mua sản phẩm được chứng nhận UTZ từ một hoặc nhiều thành viên khác được chứng nhận UTZ và đáp ứng tất cả các ba tiêu chí để chứng nhận ChoC như được giải thích dưới đây.

Thành viên Chuỗi cung ứng

SCA phải được chứng nhận theo **ChoC** nếu họ đáp ứng tất cả 3 tiêu chí dưới đây:

1. **Sở hữu hợp pháp sản phẩm được chứng nhận UTZ**
2. **Xử lý thực tế sản phẩm được chứng nhận UTZ:** Các hoạt động xử lý thực tế bao gồm tất cả các hoạt động (do chính SCA hoặc một nhà thầu phụ) thực hiện trên các sản phẩm chưa được đóng bao, đóng gói, hoặc dán kín. Phụ lục sản phẩm của ChoC cung cấp một danh sách các hoạt động được xem là xử lý thực tế cho các sản phẩm cụ thể.

² Bằng cách đăng ký tại trang web của UTZ. Trang web này cũng giải thích các chi phí có thể phải trả.

³ Trừ các nhà bán lẻ không phải là chủ thương hiệu. Các công ty này không cần đăng ký làm thành viên nếu họ công bố sản phẩm UTZ.

⁴ Được bao gồm trong Bộ Nguyên tắc là các hoạt động xử lý thực tế bao gồm:

- Cà phê: sản xuất cà phê nhân
- Cacao: sấy khô, phân loại hay đóng bao hạt Cacao
- Trà: sản xuất chè khô
- Rooibos: đóng gói sản phẩm tiêu dùng cuối
- Hazelnut: sản xuất nhân hạt phỉ

3. **Công bố sản phẩm về UTZ:** Một công bố sản phẩm UTZ là bất kỳ thông tin nào trên bao bì sản phẩm hoặc không ở trên bao bì sản phẩm, sử dụng hoặc không sử dụng logo UTZ, có liên quan đến việc chào bán hoặc bán của sản phẩm⁵. Công bố này bao gồm tham chiếu chung bất kỳ tới nguồn cung ứng bền vững hoặc có trách nhiệm của một sản phẩm dựa trên nguồn gốc UTZ. UTZ bảo lưu quyền đưa ra quyết định cuối cùng về việc những gì được xem là hoặc không là một công bố sản phẩm⁵.

Sau đây là các ví dụ về một công bố sản phẩm:

- Nếu thành viên đề cập đến UTZ hoặc trạng thái nguồn cung ứng bền vững của sản phẩm hoặc (các) thành phần trên một hóa đơn cho khách hàng;
- Nếu thành viên đề cập đến UTZ hoặc trạng thái nguồn cung ứng bền vững của sản phẩm hoặc các thành phần trong các hoạt động truyền thông về sản phẩm hay thương hiệu, bao gồm các kênh trực tuyến, báo chí, quảng cáo, điểm bán hàng;
- Nếu thành viên đề cập đến UTZ hoặc trạng thái nguồn cung ứng bền vững của sản phẩm hoặc thành phần đã được chuyển cho họ.

Đối với chứng nhận Chè và Rooibos, áp dụng các quy định sau đây:

- Đối với chứng nhận Chè, các thành viên chuỗi cung ứng (SCA) xử lý đến sản phẩm Chè khô phải được chứng nhận Bộ nguyên tắc Chung và Mô đun Chè.
- Đối với chứng nhận Rooibos, các thành viên chuỗi cung ứng (SCA) xử lý đến sản phẩm tiêu dùng cuối cùng, sẽ được chứng nhận Bộ nguyên tắc Chung và Mô đun Rooibos. Các thành viên chuỗi cung ứng (SCA) Rooibos chỉ tiến hành các hoạt động sau chế biến thứ cấp phải được chứng nhận ChoC.

2.2.2 Những ai không cần phải được chứng nhận?

Mặc dù tất cả các thành viên UTZ phải tuân thủ theo tiêu chuẩn áp dụng của UTZ, nhưng không phải tất cả những thành viên trong chuỗi cung ứng đều cần phải được đánh giá và chứng nhận.

Các bên trung gian và nhà thầu phụ ở cấp Bộ Nguyên tắc

Nhà sản xuất/nhóm nhà sản xuất chịu trách nhiệm về sự tuân thủ của bất kỳ nhà thầu phụ và/hoặc bên trung gian nào với các yêu cầu áp dụng. Do đó, bên trung gian hoặc nhà thầu phụ không cần phải có giấy chứng nhận riêng. Các yêu cầu áp dụng mà nhà thầu phụ và/hoặc bên trung gian phải tuân thủ cũng sẽ bao gồm cả các yêu cầu của Phần C và Phần D của Bộ Nguyên tắc. Đối với cả bên trung gian và nhà thầu phụ, sẽ phải chỉ ra sự tuân thủ này ít nhất là đối với toàn bộ công nhân viên có hoạt động thuộc phạm vi của đơn vị sở hữu chứng nhận.

Nhà thầu phụ có thể được chứng nhận độc lập. Nếu được chứng nhận độc lập cho hoạt động và hàng hoá được thầu lại thì không cần phải đánh giá bổ sung các hoạt động của nhà thầu phụ như một phần của phạm vi chứng nhận của nhà sản xuất/nhóm nhà sản xuất sử dụng nhà thầu phụ.

Xác định tính tuân thủ - thanh tra nội bộ

Bên trung gian: nếu là một phần của phạm vi chứng nhận của nhà sản xuất/nhóm nhà sản xuất, hiệu quả làm việc của bên trung gian phải được đánh giá trong quá trình thanh tra nội bộ về tất cả các yêu cầu áp dụng.

Nhà thầu phụ: nếu là một phần của phạm vi chứng nhận của nhà sản xuất/nhóm nhà sản xuất, nhà thầu phụ không có chứng nhận độc lập phải được thanh tra nội bộ về tất cả các yêu cầu áp dụng.

Xác định tính tuân thủ - đánh giá từ bên ngoài

Bên trung gian: nếu là một phần của phạm vi chứng nhận của nhà sản xuất/nhóm nhà sản xuất, căn bậc hai của tất cả các bên trung gian phải được đánh giá thực tế về tất cả các yêu cầu áp dụng.

Nhà thầu phụ: nếu là một phần của phạm vi chứng nhận của nhà sản xuất/nhóm nhà sản xuất, căn bậc hai của tất cả nhà thầu phụ không có chứng nhận độc lập phải được đánh giá thực tế về tất cả các yêu cầu áp dụng.

⁵ Ví dụ về các trường hợp thường không được coi là công bố sản phẩm là: các báo cáo CSR (xuất bản, in, trực tuyến, v.v), quảng cáo hoặc các ấn phẩm khác đề cập đến hiệu quả hoạt động của công ty về tìm nguồn cung ứng bền vững, thông tin nội bộ của cổ đông hoặc nhân viên, các chỉ số bền vững hoặc các phép đo về hiệu quả hoạt động của công ty liên quan đến tìm nguồn cung ứng bền vững, các thông tin khác ở cấp độ công ty liên quan đến tìm nguồn cung ứng bền vững hoặc về việc tìm nguồn cung ứng có nhiều chứng nhận cho thương hiệu hoặc sản phẩm.

Nhà thầu phụ hoặc bên trung gian thực hiện bất cứ hoạt động nào trong bảng dưới đây đều **luôn luôn** phải được đánh giá thực tế.

| Sản phẩm | Các hoạt động xử lý thực tế |
|-----------------|---|
| Cà phê | Tất cả những hoạt động xử lý thực tế cho đến sản xuất Cà phê nhân |
| Cacao | Tất cả những hoạt động xử lý thực tế cho đến sấy khô, phân loại, hay đóng bao hạt Cacao |
| Chè | Tất cả những hoạt động xử lý thực tế cho đến sản xuất Chè khô |
| Rooibos | Tất cả những hoạt động xử lý thực tế cho đến đóng gói sản phẩm tiêu dùng cuối cùng |
| Hazelnut | Tất cả những hoạt động xử lý thực tế cho đến sản xuất nhân hạt phỉ |

Các điểm thu gom, kho, vận chuyển, v.v. của chính nhà sản xuất/nhóm nhà sản xuất phải được đánh giá từ bên ngoài như một phần của tính toán kiểm soát dòng sản phẩm và phải được lấy mẫu dựa trên đánh giá rủi ro của CB.

Đơn vị sở hữu chứng nhận Bộ Nguyên tắc có trách nhiệm duy trì danh sách các bên trung gian và/hoặc nhà thầu phụ, kể cả các hoạt động của họ. Danh sách này phải được chia sẻ với CB trước khi tiến hành đánh giá để CB có thể xác định mẫu đánh giá. Tùy thuộc vào đánh giá rủi ro của CB, có thể thêm vào mẫu nhiều bên trung gian hoặc nhà thầu phụ hơn mức tối thiểu nêu trên.

Các SCA không đáp ứng được 3 tiêu chí để cần được chứng nhận UTZ

Các SCA không đáp ứng được ba tiêu chí (sở hữu, xử lý thực tế và công bố sản phẩm) sẽ không cần phải được chứng nhận. Những SCA này bao gồm:

1. **Nhà thầu phụ (ở cấp Quy trình Giám sát Nguồn gốc):** nhà thầu phụ phải tuân thủ các yêu cầu áp dụng của ChoC nhưng không cần phải được chứng nhận bởi vì họ không có quyền sở hữu hợp pháp sản phẩm được chứng nhận UTZ.

Thành viên thuê nhà thầu phụ chịu trách nhiệm về việc tuân thủ các yêu cầu ChoC của nhà thầu phụ. Nếu nhà thầu phụ đã có chứng chỉ ChoC của UTZ, các hoạt động theo hợp đồng phụ của SCA không cần phải được đánh giá bởi các CB: chỉ cần trình chứng chỉ ChoC còn giá trị là đủ. Nếu SCA thầu phụ toàn bộ các hoạt động của mình cho mình nhà thầu phụ được UTZ chứng nhận, SCA không cần phải được chứng nhận.

Nếu nhà thầu phụ chưa được chứng nhận, nhà thầu phụ (hoặc thành viên thuê nhà thầu phụ thay mặt họ) phải tiến hành công tác tự đánh giá bằng cách sử dụng danh mục kiểm tra ChoC của UTZ. CB cũng có thể yêu cầu nhà thầu phụ cung cấp hồ sơ bổ sung.

Dựa trên đánh giá rủi ro (xem mục 2.5), CB có thể quyết định đánh giá thực tế nhà thầu phụ. Các nhà thầu phụ có thực hiện bất cứ hoạt động xử lý thực tế nào được liệt kê trong bảng dưới đây đều phải được đánh giá thực tế.

| Sản phẩm | Các hoạt động xử lý thực tế |
|-----------------|---|
| Cà phê | Tất cả những hoạt động xử lý thực tế cho đến sản xuất Cà phê nhân |
| Cacao | Tất cả những hoạt động xử lý thực tế cho đến sấy khô, phân loại, hay đóng bao hạt Cacao |
| Chè | Tất cả những hoạt động xử lý thực tế cho đến sản xuất Chè khô |
| Rooibos | Tất cả những hoạt động xử lý thực tế cho đến đóng gói sản phẩm tiêu dùng cuối cùng |
| Hazelnut | Tất cả những hoạt động xử lý thực tế cho đến sản xuất nhân hạt để |

Hoạt động đã được thuê thầu phụ được xem như một phần trong phạm vi hoạt động của thành viên thầu phụ, nhưng không có nghĩa nhà thầu phụ sẽ được chứng nhận. Tên của nhà thầu phụ vì thế không được ghi trong giấy chứng nhận của thành viên.

2. **Những SCA không xử lý thực tế sản phẩm UTZ:** các SCA này phải tuân thủ những yêu cầu áp dụng của ChoC, nhưng thay vì phải được chứng nhận họ có thể ký vào bản Tuyên bố Miễn đánh giá Quy trình giám sát nguồn gốc và gửi đến nhóm Hỗ trợ thành viên UTZ (xem mục 1.6). Loại hình này bao gồm các nhà Thương mại họ hợp đồng phụ tất cả việc xử lý thực tế sản phẩm được chứng nhận UTZ từ các thành viên đã được chứng nhận ChoC.
3. **Những SCA không thực hiện công bố về UTZ:** các SCA này sẽ tuân thủ những yêu cầu áp dụng của ChoC, nhưng thay vì phải được chứng nhận họ có thể ký vào bản Tuyên bố Miễn đánh giá Quy trình giám sát nguồn gốc và gửi đến nhóm Hỗ trợ thành viên UTZ (xem mục 1.6).

SCA (Thành viên Chuỗi Cung ứng) Khối lượng Nhỏ

Các SCA xử lý thực tế một khối lượng nhỏ phải tuân thủ với các yêu cầu áp dụng từ ChoC nhưng có thể được miễn nhận một cuộc đánh giá chứng nhận và được chứng nhận. Để áp dụng miễn như vậy, họ được yêu cầu ký vào bản Tuyên bố miễn đánh giá Quy trình giám sát nguồn gốc và gửi đến nhóm Hỗ trợ thành viên UTZ (xem mục 1.6). Những SCA Khối lượng Nhỏ phải nhận được phê duyệt ghi nhãn cho bất cứ sản phẩm nào được bán ra với logo UTZ.

Việc miễn này áp dụng cho các SCA đơn lẻ và đa địa điểm, những đơn vị mà tiến hành các hoạt động xử lý thực tế không bao gồm trong phạm vi chứng nhận Bộ nguyên tắc (xem mục 2.2.2, chú thích 5) và xử lý thực tế nhỏ hơn tổng khối lượng sau đây (sản phẩm được chứng nhận UTZ + không UTZ) trên năm theo lịch và bao gồm tất cả các địa điểm (nếu là một SCA đa địa điểm):

- **Cà phê: 200 tấn** Cà phê nhân hoặc tương đương
- **Chè: 200 tấn** Chè khô hoặc tương đương⁶
- **Cacao: 100 tấn** hạt Cacao hoặc tương đương
- **Hazelnut (Hạt phỉ): 50 tấn** nhân hạt phỉ hoặc tương đương

Nhà bán lẻ và Nhà phân phối

Nhà bán lẻ và Nhà phân phối (bao gồm các nhà cung cấp dịch vụ thực phẩm) không cần phải được chứng nhận. Nếu họ là chủ thương hiệu của những sản phẩm được chứng nhận UTZ, họ cần phải đăng ký là thành viên và chịu trách nhiệm tuân thủ Chính sách Ghi nhãn và Nhãn hiệu thương mại của UTZ.

Giám sát Thành viên

UTZ bảo lưu quyền tiến hành đánh giá các thành viên đã ký và nộp bản Tuyên bố miễn đánh giá Quy trình giám sát nguồn gốc. Mục đích của những cuộc đánh giá này là xác nhận rằng các thành viên này có đáp ứng yêu cầu để được miễn chứng nhận và họ có tuân thủ các yêu cầu áp dụng của ChoC hay không.

Trong trường hợp cuộc đánh giá cho thấy thành viên không tuân thủ những yêu cầu áp dụng của ChoC hoặc không đủ điều kiện miễn đánh giá cấp chứng nhận, UTZ có quyền tính phí đánh giá đối với thành viên và hủy bỏ phê duyệt cấp giấy phép và ghi nhãn của thành viên đó trong hệ thống truy nguyên UTZ.

2.2.3. Ai phải được cấp phép trong hệ thống truy nguyên UTZ?

Giấy phép là sự cho phép do UTZ cấp để sử dụng nhãn hiệu thương mại UTZ và sử dụng hệ thống truy nguyên UTZ để ghi lại các giao dịch cũng như quản lý và lưu trữ các phê duyệt ghi nhãn của sản phẩm UTZ. Tất cả các thành viên đã chứng nhận và các thành viên khác kinh doanh các sản phẩm nguyên chất được chứng nhận UTZ (sản phẩm UTZ không bị pha trộn với các thành phần khác, ví dụ như đường, sữa) phải có giấy phép hợp lệ.

⁶ Những sản phẩm tương đương với Chè bao gồm Chè khô, Rooibos đã chế biến, Rooibos xanh đã chế biến và Thảo mộc khô

Đối với các thành viên được chứng nhận, CB sẽ yêu cầu một giấy phép thông qua hệ thống truy nguyên UTZ, như là một phần của quy trình chứng nhận (được mô tả trong mục 2.3). Đối với các thành viên chưa được chứng nhận (ví dụ như các SCA Khối lượng Nhỏ và các SCA không công bố hoặc không xử lý thực tế sản phẩm UTZ), giấy phép sẽ được cấp bởi Nhóm hỗ trợ Thành viên UTZ, theo yêu cầu của thành viên và sau khi điền đầy đủ vào bản Tuyên bố miễn đánh giá ChoC yêu cầu.

2.2.4. Đơn vị sở hữu chứng nhận

Đơn vị sở hữu chứng nhận là thành viên và tổ chức được chứng nhận chịu trách nhiệm thực hiện và tuân thủ các yêu cầu của Bộ Nguyên tắc và/hoặc Quy trình Giám sát Nguồn gốc của UTZ.

Đơn vị sở hữu chứng nhận Bộ Nguyên tắc là một nhà sản xuất đơn lẻ hoặc một thực thể tổ chức nhóm nhà sản xuất. Tên ghi trong giấy chứng nhận là tên của nhà sản xuất hoặc nhóm nhà sản xuất. UTZ cho phép ghi tên của hai tổ chức trên giấy chứng nhận. Ví dụ: nếu một nhà xuất khẩu hoặc nhà trung gian thương mại hỗ trợ chứng nhận của một nhóm nhà sản xuất về mặt tài chính, tên của nhà xuất khẩu hoặc trung gian thương mại cũng có thể được ghi trên giấy chứng nhận. Tuy nhiên, chính sách của UTZ yêu cầu rằng tên chính là tên của nhà sản xuất cá đơn lẻ hoặc nhóm nhà sản xuất. ví dụ: TÊN NHÀ SẢN XUẤT (được ủy quyền bởi nhà xuất khẩu/trung gian thương mại).

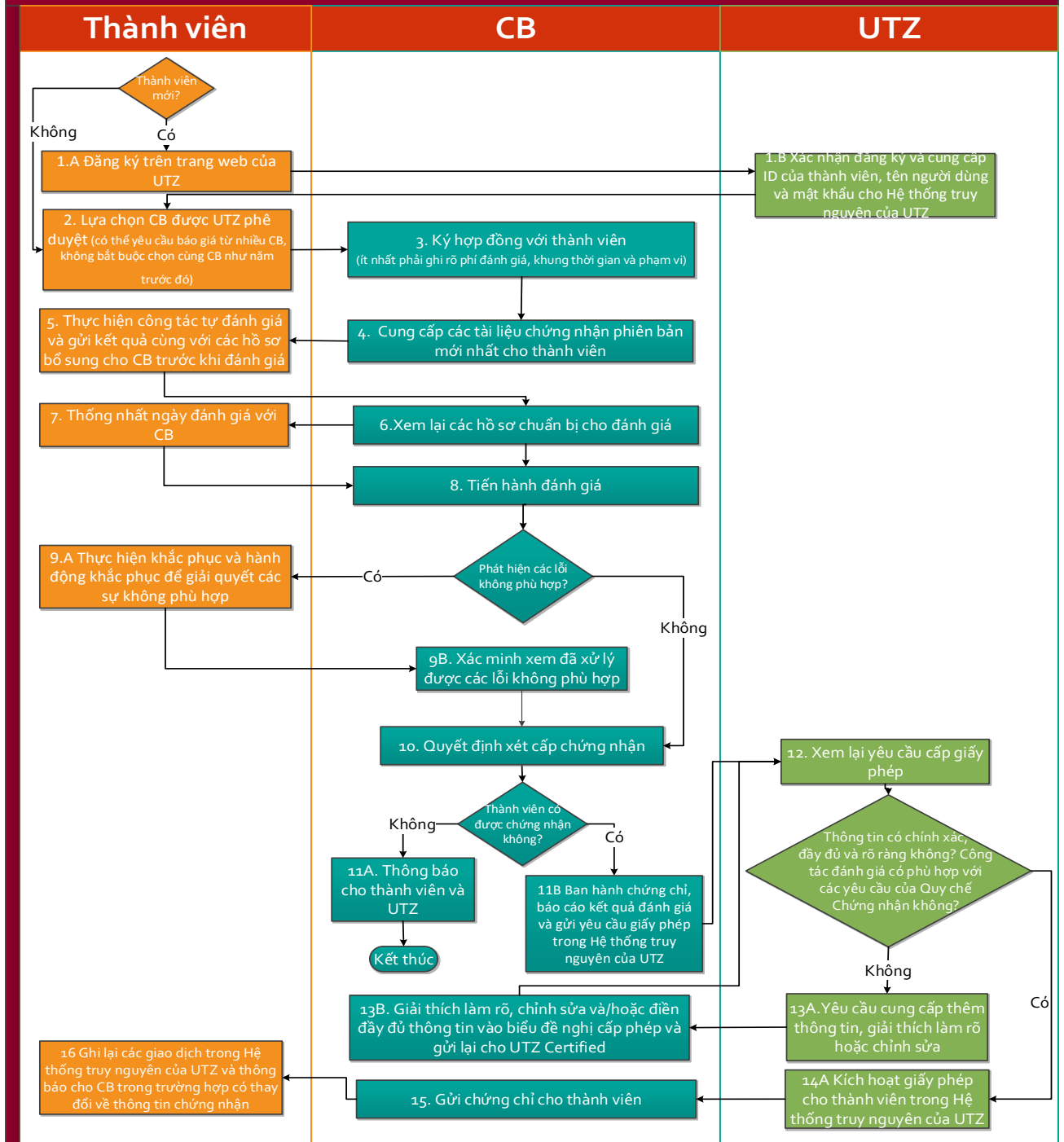
2.3. Quá trình chứng nhận chung

Như đã giải thích trong phần trước, hầu hết các thành viên UTZ đều phải được chứng nhận theo Code và/hoặc ChoC, có nghĩa là họ phải được một CB được UTZ phê duyệt tiến hành đánh giá. Ba phần sau đây chỉ ra các bước cần tuân theo trong suốt quá trình này, cũng như các điều kiện áp dụng. Mục 2.3 mô tả những điều được áp dụng cho cả chứng nhận Code và ChoC, trong khi đó mục 2.4 và 2.5 lần lượt mô tả chi tiết về quá trình chứng nhận cho Code và ChoC.

2.3.1. Thủ tục Chứng nhận Chung

Thủ tục chứng nhận chung được thể hiện trong biểu đồ sau. Tham khảo thêm mô tả chi tiết trong bảng dưới đây.

Thủ tục Chứng nhận Chung



| Thủ tục Chứng nhận chung | | |
|--------------------------|---|---|
| 1 | A | Thành viên mới đăng ký bằng cách điền đầy đủ vào đơn đăng ký trên trang web của UTZ. |
| | B | UTZ cung cấp cho thành viên mới xác nhận đăng ký trong hệ thống truy nguyên UTZ gồm có thông tin về ID, tên người dùng và mật khẩu của thành viên. |
| 2 | | Thành viên lựa chọn và liên hệ với một CB. Theo các điều kiện chứng nhận được mô tả trong chương này của Quy chế Chứng nhận, thành viên có trách nhiệm liên hệ với CB và yêu cầu đánh giá một cách kịp thời. Có thể yêu cầu báo giá từ một số CB để có thể lựa chọn một CB đáp ứng được tốt nhất các nhu cầu của thành viên. Không phải bắt buộc hàng năm đều phải gắn bó với cùng một CB. CB phải đảm bảo rằng thành viên chia sẻ thông tin về việc chứng nhận với các CB khác trong các hệ thống tiêu chuẩn khác với chương trình chứng nhận UTZ. |
| 3 | | CB và thành viên ký kết hợp đồng, ít nhất nêu rõ phí đánh giá, khung thời gian và phạm vi đánh giá. |
| 4 | | CB cung cấp phiên bản mới nhất của tất cả các tài liệu liên quan đến quy trình chứng nhận UTZ (như Quy chế Chứng nhận, Code và/hoặc ChoC) cho thành viên đọc và hiểu. |
| 5 | | <p>Thành viên tiến hành tự đánh giá mức độ tuân thủ tiêu chuẩn và gửi ít nhất các hồ sơ sau đây cho CB trước khi đánh giá chứng nhận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự đánh giá bằng cách sử dụng danh mục đánh giá được áp dụng của UTZ, chỉ rõ các điểm kiểm soát mà thành viên tuân thủ, không tuân thủ hoặc không áp dụng, bao gồm phần giải thích cho tất cả các điểm kiểm soát. CB phải đảm bảo rằng họ đã nhận được bản tự đánh giá của thành viên ít nhất một tuần trước khi đánh giá. - Danh sách tất cả các bên trung gian và/hoặc nhà thầu phụ (nếu áp dụng), gồm cả các hoạt động của họ - Kết quả tự đánh giá của các nhà thầu phụ (nếu áp dụng) - Danh sách các địa điểm thuộc đơn vị chứng nhận đa địa điểm hoặc danh sách các thành viên nhóm thuộc các thành viên chứng nhận nhóm hoặc đa nhóm (nếu áp dụng). Nếu một thành viên chứng nhận đa địa điểm hoạt động duy nhất ở cấp truy nguyên MB và đáp ứng các tiêu chí như đã mô tả ở mục 2.5.1, thì thành viên có thể yêu cầu CB đánh giá từ xa những địa điểm của mẫu đánh giá nằm xa địa điểm trung tâm. - Kế hoạch quản lý trang trại hoặc nhóm - Trích xuất toàn bộ các hoạt động trong GIP (bao gồm toàn bộ các giao dịch và hoạt động kho hàng)⁷ - Kết quả và hồ sơ liên quan của các cuộc đánh giá UTZ trước đây, bao gồm cả những hồ sơ không đạt chứng nhận (như đánh giá đột xuất và đánh giá do các CB khác thực hiện)⁸ <p>Các thành viên đa địa điểm có thể điền một bản tự đánh giá duy nhất. Trên danh mục kiểm tra, các thành viên đa địa điểm nên chỉ ra từng lỗi không phù hợp mà các địa điểm cụ thể không tuân thủ.</p> |
| 6 | | CB chuẩn bị cho cuộc đánh giá bằng cách xem xét các hồ sơ thành viên đã nộp (bước 5), thông tin về thành viên có sẵn trong hệ thống truy nguyên UTZ và bất kỳ thông tin liên quan khác có thể đã nhận được. Trên cơ sở này, CB quyết định xem các điều kiện tiên quyết để thực hiện đánh giá đã được đáp ứng hay chưa, và nếu vậy, các chủ đề nào đáng được quan tâm đặc biệt. CB cũng sẽ sử dụng thông tin này để xác định mẫu đánh giá sơ bộ. |
| 7 | | Thành viên và CB thống nhất về một ngày đánh giá. |
| 8 | | CB thực hiện đánh giá chứng nhận theo các yêu cầu của Code và/hoặc của ChoC (xem mục 2.4 và 2.5). |
| 9 | A | <p>Trong trường hợp phát hiện thấy các lỗi không phù hợp trong quá trình đánh giá, thành viên có trách nhiệm thực hiện sự khắc phục và hành động khắc phục để xử lý các lỗi đó.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên nộp một bản kế hoạch hành động khắc phục cho CB trong khung thời gian đã thống nhất trong buổi họp kết thúc. - Trong vòng một tuần, CB ra quyết định tán thành hoặc không tán thành với kế hoạch hành động khắc phục đề xuất. Nếu CB không tán thành với kế hoạch đó, CB đưa ra lý do vì sao không tán thành và thành viên nộp một bản kế hoạch hành động khắc phục mới. - Thành viên thực hiện bản kế hoạch hành động khắc phục đề xuất, theo đúng thời hạn đã thống nhất với CB. |
| | B | CB tiến hành đánh giá theo dõi thực tế hoặc xem xét tài liệu để xác nhận rằng sự khắc phục và hành động khắc phục đã được thực hiện và rằng các lỗi không phù hợp đã được xử lý. Điều này phải được thực hiện không quá 12 tuần kể từ ngày đánh giá cuối cùng. |
| 10 | | CB đưa ra quyết định chứng nhận. Điều này phải được thực hiện không quá 4 tuần sau khi tất cả các lỗi không phù hợp đã được giải quyết, hoặc trong trường hợp không xác định được lỗi không phù hợp nào, sau ngày đánh giá cuối cùng. |

⁷ Trích xuất này có trong GIP trong mục 'Transactions' >> 'Export to Excel' và 'Trading & Stock' >> 'Export to Excel'.

⁸ Trong trường hợp một thành viên thay đổi CB, thành viên phải yêu cầu CB trước đó cung cấp kết quả cho CB mới, bao gồm ít nhất Báo cáo Tóm tắt, các quyết định chứng nhận và giấy chứng nhận. CB trước đó phải thực hiện yêu cầu đó trong vòng một tuần.

| | | |
|----|---|---|
| 11 | A | Nếu CB quyết định không chứng nhận (lại) cho thành viên, CB thông báo cho thành viên và UTZ về quyết định này (qua hệ thống truy nguyên UTZ và bằng email). Để xin chứng nhận lại, thành viên sẽ phải tuân theo các điều kiện chứng nhận đã mô tả trong chương này của Quy chế chứng nhận. Nếu thành viên có khiếu nại, kháng cáo hoặc tranh chấp với một CB hoặc nhà thầu phụ của CB về việc đánh giá và/hoặc quá trình đánh giá, thành viên đó có thể gửi khiếu nại, kháng cáo hoặc tranh chấp đó bằng văn bản đến CB. CB phải có sẵn một thủ tục về việc đăng ký và xử lý các khiếu nại, kháng cáo và tranh chấp. CB phải phản hồi cho bên khiếu nại trong vòng 3 tuần. Nếu khiếu nại, kháng cáo hoặc tranh chấp không được giải quyết trong vòng 4 tuần (tính từ ngày thành viên gửi khiếu nại, kháng cáo hoặc tranh chấp đến CB), CB phải báo cáo về vấn đề này cho UTZ (cbmanagement@utz.org). Nếu bên khiếu nại cảm thấy khiếu nại, kháng cáo hoặc tranh chấp không được CB xử lý thích đáng, bên khiếu nại có thể báo cáo vấn đề này cho UTZ theo Thủ tục Khiếu nại của UTZ (xem mục 4.1). |
| | B | Nếu CB quyết định chứng nhận cho thành viên, CB sẽ cấp chứng nhận (nhưng chưa gửi cho thành viên), và đề nghị cấp giấy phép cho thành viên trong hệ thống truy nguyên UTZ trong vòng không quá một tuần sau khi đưa ra quyết định cấp chứng nhận. |
| 12 | | UTZ xem xét các thông tin đề nghị cấp phép trong không quá một tuần sau khi CB đã gửi đi. |
| 13 | A | Nếu UTZ xét thấy các thông tin đề nghị cấp phép là không chính xác, không đầy đủ, hoặc không rõ ràng, hoặc là công tác đánh giá đã không được thực hiện tuân thủ theo các quy định trong Quy chế Chứng nhận, họ sẽ yêu cầu CB cung cấp thêm thông tin, giải thích làm rõ, hoặc chính sửa báo cáo đánh giá và/hoặc đề nghị cấp phép. |
| | B | CB giải thích làm rõ, chính sửa và/hoặc điền đầy đủ thông tin vào biểu đề nghị cấp phép và gửi lại cho UTZ trong vòng một tuần. |
| 14 | | Nếu UTZ xét thấy thông tin trong đề nghị cấp phép là chính xác, đầy đủ và rõ ràng cũng như công tác đánh giá được tiến hành tuân thủ theo các quy định trong Quy chế Chứng nhận, UTZ sẽ kích hoạt giấy phép trong hệ thống truy nguyên UTZ. |
| 15 | | CB gửi chứng chỉ cho thành viên. |
| 16 | | Thành viên ghi lại các giao dịch trong hệ thống truy nguyên UTZ và luôn thông báo cho CB trong trường hợp thay đổi các thông tin chứng nhận. |

2.3.2. Điều kiện chung

Các điều kiện sau đây được áp dụng cho các thành viên và các CB, đối với tất cả các loại chứng nhận và sản phẩm. Các điều kiện cụ thể đối với chứng nhận Code và ChoC được giải thích lần lượt trong mục 2.4 và 2.5.

a. Đánh giá cấp chứng nhận

Nhằm đạt được và duy trì chứng nhận Bộ nguyên tắc và/hoặc ChoC của UTZ, các thành viên phải được đánh giá cấp chứng nhận bởi một CB đã được UTZ phê duyệt để thực hiện các cuộc đánh giá UTZ về tiêu chuẩn (phạm vi tiêu chuẩn), sản phẩm (phạm vi hàng hoá) và quốc gia (phạm vi địa lý) được áp dụng.

Một thỏa thuận bằng văn bản giữa thành viên và CB phải được chuẩn bị trước khi thực hiện đánh giá. Thỏa thuận này phải bao gồm ít nhất khoản phí, khung thời gian và phạm vi đánh giá (đó là phạm vi các hoạt động và hồ sơ sẽ được kiểm tra trong quá trình đánh giá).

Trong quá trình đánh giá, đánh giá viên phải sử dụng danh mục kiểm tra UTZ hoặc một danh mục kiểm tra tương đương đã chuẩn bị trong quá trình xem xét hồ sơ đăng ký, có chứa các nội dung giống với danh mục kiểm tra UTZ.

Đánh giá viên phải có nhận xét về các điểm kiểm soát đã được đánh giá (chỉ ra ít nhất một miêu tả về bằng chứng đó). Những điểm kiểm soát được chỉ định là không được áp dụng thì phải có bằng chứng chứng minh tại sao. Bằng chứng thu thập được trong quá trình đánh giá phải được CB lưu giữ trong vòng ít nhất 3 năm.

Thành viên phải đảm bảo rằng tất cả các thông tin cần thiết để đánh giá sự tuân thủ các tiêu chuẩn UTZ đều có sẵn cho đánh giá viên. Khi các thông tin cần được xác minh không có sẵn (bao gồm cả những nông dân sẽ được phỏng vấn), CB phải coi đây là một sự không phù hợp. Trong trường hợp chứng nhận Bộ Nguyên tắc cho nhóm hoặc đa nhóm, IMS có trách nhiệm thông báo cho tất cả các thành viên trong nhóm rằng họ có thể được yêu cầu thanh tra vào những ngày đã thỏa thuận. Các CB phải thông báo cho IMS về những người nông dân sẽ được đến thăm vào một ngày cụ thể tối đa 24 giờ trước khi đến thăm.

Nếu có sử dụng thông dịch viên trong quá trình đánh giá, họ phải làm việc độc lập với thành viên đang được đánh giá và không được có bất kỳ xung đột lợi ích nào. Nếu điều đó là không thể, các thông dịch viên phải giữ vai trò trung lập và đánh giá viên phải ghi lại tên và quan hệ của thông dịch viên với tổ chức đó trong báo cáo đánh giá.

b. Giấy chứng nhận

Nếu không thấy điểm không phù hợp nào trong quá trình đánh giá cấp chứng nhận, hoặc nếu tất cả các lỗi không phù hợp đã xác định đều được giải quyết một cách thỏa đáng (xem mục d dưới đây), CB sẽ cấp giấy chứng nhận theo mẫu chứng nhận của UTZ cho phạm vi được áp dụng. Giấy chứng nhận Bộ nguyên tắc có hiệu lực trong khoảng thời gian là 365 ngày⁹ và giấy chứng nhận ChoC có thể có hiệu lực trong 365 hoặc 730 ngày¹⁰ (xem mục 2.5.3). Tất cả giấy chứng nhận đều có thể gia hạn thêm tối đa 4 tháng (xem mục h dưới đây để biết thêm chi tiết).

Làm thế nào để xác định ngày đầu tiên của giấy chứng nhận của một thành viên (và các giấy chứng nhận được cấp sau khi quá trình chứng nhận bị gián đoạn) được mô tả trong mục 2.4.3 (Code) và 2.5.3 (ChoC). Các giấy chứng nhận tiếp theo bắt đầu vào ngày sau khi giấy chứng nhận trước đó hết hạn, do đó việc chứng nhận được xem là một quá trình liên tục.

Tuy nhiên, có thể có trường hợp chứng nhận từ một năm tới năm sau bị gián đoạn (ví dụ, do thành viên không vượt qua được cuộc đánh giá hoặc quyết định không tiếp chứng nhận nữa). Trong những trường hợp như vậy, sẽ có khoảng cách giữa các giấy chứng nhận chính là khoảng thời gian không được chứng nhận. Trong thời gian này, thành viên đó phải không được phép bán bất kỳ sản phẩm nào là sản phẩm có chứng nhận UTZ và sản phẩm trong thời gian này (ví dụ, sản phẩm thu hoạch hoặc sản xuất được) sẽ không được phép bán như một sản phẩm có chứng nhận UTZ trong giai đoạn sau đó.

c. Giấy phép

Sau khi cấp giấy chứng nhận (nhưng phải trước khi gửi giấy chứng nhận cho thành viên), CB phải báo cáo kết quả đánh giá cho UTZ và yêu cầu cấp phép cho thành viên đó. Việc này được thực hiện bằng cách điền vào đơn yêu cầu cấp giấy phép và tải lên giấy chứng nhận UTZ, danh sách thành viên nhóm (nếu áp dụng) và bản tự đánh giá của thành viên trong hệ thống truy nguyên UTZ. Giấy phép phản ánh thông tin và dữ liệu chứng nhận mà CB thu thập được về thành viên (ví dụ, ngày hiệu lực, khối lượng được chứng nhận và các hoạt động được chứng nhận).

d. Lỗi không phù hợp

Nếu phát hiện một hoặc nhiều lỗi không phù hợp trong quá trình đánh giá cấp chứng nhận, thành viên phải thực hiện sự khắc phục (để giải quyết sự không phù hợp đó) và hành động khắc phục (để loại bỏ nguyên nhân gốc rễ của sự không phù hợp và ngăn chặn tái diễn), trước khi họ có thể được chứng nhận.

Thành viên chịu trách nhiệm xác định, thực hiện sự khắc phục và hành động khắc phục phù hợp để ngăn ngừa trường hợp lỗi không phù hợp tái diễn. Các hành động khắc phục phải tập trung vào các giải pháp lâu dài, bền vững, loại bỏ nguyên nhân gốc rễ của lỗi không phù hợp đó. Để xác định nguyên nhân gốc rễ của lỗi không phù hợp, thành viên phải thực hiện phân tích nguyên nhân gốc rễ. Điều này dẫn đến việc thành viên đệ trình một kế hoạch hành động khắc phục đề xuất cho CB, trong khung thời gian đã thống nhất trong buổi họp kết thúc. Kế hoạch bao gồm nguyên nhân gốc rễ, sự khắc phục, hành động khắc phục và khung thời gian tiến hành phải khắc phục và thực hiện các hành động khắc phục.

CB tán thành hoặc không tán thành kế hoạch hành động khắc phục đề xuất trong vòng một tuần. Nếu CB không tán thành, CB nêu rõ lý do vì sao không tán thành và thành viên đệ trình một kế hoạch hành động khắc phục đề xuất mới.

CB có trách nhiệm xác minh (thông qua một cuộc đánh giá theo dõi thực tế hoặc xem xét tài liệu) rằng sự khắc phục và các hành động khắc phục này đã được thực hiện và có hiệu quả trong việc loại bỏ lỗi không phù hợp và nguyên nhân gốc rễ của nó. Toàn bộ quá trình giải quyết các lỗi không phù hợp (bao gồm cả việc thành viên thực hiện việc khắc phục và hành động khắc phục và việc CB xác minh tính hiệu quả) phải được tiến hành trong thời gian tối đa là 12 tuần kể từ ngày đánh giá cuối cùng.

Trong trường hợp phát hiện có lỗi không phù hợp nghiêm trọng, CB có thể quyết định **thu hồi** ngay lập tức giấy chứng nhận hiện tại của thành viên và/hoặc quyết định **không chứng nhận** đối với thành viên đó, theo khung

⁹ 366 ngày trong năm nhuận.

¹⁰ Trong trường hợp năm nhuận, sẽ được cộng thêm một ngày.

thời gian được mô tả dưới đây trong điểm e và f. CB có quyền quyết định những điểm nào tạo nên một lỗi không phù hợp nghiêm trọng. Sau đây là danh sách không đầy đủ các ví dụ có thể dẫn đến việc không chứng nhận hoặc huỷ bỏ chứng nhận ngay lập tức:

- Lỗi có tính hệ thống của IMS
- Vi phạm luật quốc gia, luật địa phương hoặc CBA
- Gian lận, không hành động hoặc che giấu (ví dụ như khối lượng sản phẩm thông thường được công bố là sản phẩm UTZ hoặc lạm dụng thanh toán giá thưởng)
- Các thực hành không tuân thủ không thể sửa chữa được, ví dụ như các vấn đề ảnh hưởng đến sức khoẻ con người, thiên nhiên hoặc tính toàn vẹn của sản phẩm UTZ

e. Không chứng nhận

Nếu các hành động khắc phục không được thực hiện thỏa đáng trong khung thời gian nêu trên (12 tuần kể từ ngày đánh giá cuối cùng), hoặc các lỗi không phù hợp nghiêm trọng đã được xác định, CB sẽ không được cấp chứng nhận (nghĩa là không cấp giấy chứng nhận đầu tiên hoặc chứng nhận mới sau khi giấy chứng nhận trước đó hết hạn). Hơn nữa, trong trường hợp thành viên vẫn đang có giấy chứng nhận còn hiệu lực, CB phải huỷ bỏ chứng nhận thành viên theo các điều kiện được mô tả dưới đây (tại điểm f). Để được chứng nhận sau khi có quyết định không chứng nhận, thành viên phải nhận một cuộc đánh giá mới. Để có chứng nhận Bộ Nguyên tắc, thành viên đó phải đợi ít nhất một kỳ thu hoạch (chính/lớn hoặc trung/nhỏ) từ ngày có quyết định không chứng nhận, hoặc sáu tháng nếu thu hoạch liên tục.

CB ngay lập tức thông báo cho UTZ (bằng e-mail và thông qua hệ thống truy nguyên UTZ) và thành viên về việc không chứng nhận đó, chia sẻ danh mục đánh giá với UTZ và các lý do cho việc không chứng nhận.

f. Hủy bỏ chứng nhận

Trong thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận, CB có thể quyết định bỏ chứng nhận một thành viên bằng cách thu hồi lại giấy chứng nhận nếu việc này là cần thiết để bảo vệ tín nhiệm của UTZ và/hoặc CB. Việc hủy bỏ chứng nhận không thể bị bác bỏ. Để được chứng nhận lại, thành viên phải nhận được một lần đánh giá mới. Thành viên phải đợi ít nhất là cho đến ngày kết thúc của giấy chứng nhận đã bị thu hồi (không bao gồm gia hạn thời gian bất kỳ được cấp) để giấy chứng nhận mới có hiệu lực.¹¹

Nếu huỷ bỏ chứng nhận hoặc không chứng nhận sau khi có kết quả đánh giá thành viên và thành viên đó vẫn có giấy chứng nhận còn hiệu lực, CB phải huỷ bỏ chứng nhận thành viên và thu hồi lại giấy chứng nhận còn hiệu lực đó.

CB ngay lập tức thông báo cho UTZ (bằng e-mail) và thành viên về việc hủy bỏ chứng nhận đó và thay mặt UTZ thu hồi giấy phép của thành viên đó trong hệ thống truy nguyên UTZ.

g. Đình chỉ

Trong thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận, CB có thể quyết định đình chỉ giấy chứng nhận của thành viên trong thời gian tối đa 3 tháng trong trường hợp phát hiện ra sai lệch nhỏ so với các tiêu chuẩn UTZ bên ngoài quy trình chứng nhận (lại). Những sai lệch này không được ảnh hưởng đến tín nhiệm của UTZ và/hoặc CB¹². Các ví dụ bao gồm những lỗi không phù hợp nhỏ phát hiện thấy trong quá trình đánh giá đột xuất, không thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với CB hoặc UTZ, hoặc các vấn đề hành chính khác. CB ngay lập tức thông báo cho UTZ (bằng e-mail) và thành viên về việc đình chỉ đó, thay mặt UTZ đình chỉ giấy phép của thành viên đó trong hệ thống truy nguyên UTZ.

¹¹ Ở Bờ Biển Ngà, để được cấp chứng nhận theo Bộ nguyên tắc, thành viên phải đợi tối thiểu một kỳ thu hoạch (chính/lớn hoặc vừa/nhỏ) từ ngày kết thúc của giấy chứng nhận đã bị thu hồi (không bao gồm gia hạn thời gian bất kỳ được cấp) trước khi giấy chứng nhận mới có hiệu lực.

¹² Trong trường hợp tín nhiệm của UTZ và/hoặc CB có nguy cơ bị ảnh hưởng, thì sẽ theo như quy trình mô tả ở điểm f. Sẽ áp dụng huỷ bỏ chứng nhận.

Trong khi giấy phép của thành viên bị đình chỉ, thành viên đó không thể bán sản phẩm của mình như sản phẩm được chứng nhận. Sau khi CB xác nhận rằng các lý do cơ bản dẫn tới việc đình chỉ đó đã được giải quyết thỏa đáng, CB sẽ bỏ đình chỉ giấy chứng nhận, thông báo cho UTZ (bằng e-mail) và thành viên, và thay mặt UTZ bỏ đình chỉ trong hệ thống truy nguyên UTZ.

Xin lưu ý rằng sau khi thực hiện đánh giá chứng nhận (lại), nếu thành viên không giải quyết được các lỗi không phù hợp trong khung thời gian đã đưa ra, CB phải đưa ra quyết định không cấp chứng nhận thay vì quyết định đình chỉ chứng nhận.

h. Mở rộng

Những thay đổi thông tin chứng nhận trong suốt thời gian giấy chứng nhận còn hiệu lực và muốn gia tăng (tức là thêm khối lượng, thành viên nhóm, địa điểm hoặc thời gian), có thể được đưa vào thông qua việc mở rộng.

Các mở rộng phải được thành viên có hợp đồng có hiệu lực với CB yêu cầu với CB. CB phải trả lời tất cả các yêu cầu mở rộng. CB có thể từ chối việc mở rộng nếu thành viên không cung cấp đủ bằng chứng cho thấy việc mở rộng đó là hợp lý. Trong trường hợp này, CB phải thông báo cho thành viên về quyết định và phải xác định lý do cho quyết định đó. Bắt buộc CB phải thông báo cho UTZ bất cứ khi nào yêu cầu mở rộng bị từ chối cùng với lý do giải thích cho quyết định đó.

CB sẽ phải báo cáo mọi mở rộng cho UTZ và đề nghị giấy phép mở rộng thông qua hệ thống truy nguyên UTZ trước khi giấy chứng nhận và giấy phép hiện tại hết hạn. Thông tin và tài liệu yêu cầu bao gồm:

- Lý do mở rộng
- Ngày đánh giá tiếp theo (chỉ với mở rộng về thời gian)
- Giấy chứng nhận mở rộng
- Mẫu Báo cáo Đánh giá Bổ sung đã được điền đầy đủ thông tin về lần đánh giá bổ sung (nếu áp dụng)³³.
- Danh sách thành viên nhóm cập nhật (trong trường hợp mở rộng nhóm)

Bảng sau cho thấy các loại mở rộng có thể thực hiện. Có thể kết hợp hai hoặc nhiều mở rộng được liệt kê dưới đây.

³³ Nếu đã thực hiện một cuộc đánh giá bổ sung để ban hành mở rộng, CB sẽ phải gửi báo cáo tổng kết về cuộc đánh giá đó, sử dụng Mẫu Báo cáo Đánh giá Bổ sung, có thể yêu cầu mẫu này từ cbmanagement@utz.org.

| Loại Mở rộng | Áp dụng cho | Điều kiện |
|-------------------------------|-------------------------------|---|
| Thời gian | Code + ChoC | <p>Có thể gia hạn thời gian tối đa 4 tháng kể từ thời điểm hết hiệu lực của giấy chứng nhận gốc, nhưng chỉ được nếu thời gian gia hạn được yêu cầu trong khi giấy chứng nhận vẫn còn hiệu lực và cuộc đánh giá chứng nhận lại đã được lập kế hoạch và được xác nhận.</p> <p>Giấy chứng nhận tiếp theo được cấp cho khoảng thời gian còn lại của thời gian chứng nhận mới (ví dụ, nếu được gia hạn 2 tháng, giấy chứng nhận mới sẽ có hiệu lực trong vòng 10 tháng).</p> <p>Trong khi gia hạn thời gian, các thành viên Bộ nguyên tắc không được phép bán sản phẩm thu hoạch được từ vụ mới như sản phẩm có chứng nhận UTZ vì vụ thu hoạch mới sẽ chỉ được chứng nhận theo giấy chứng nhận mới.</p> |
| Sản lượng và diện tích | Code | <p>Tối đa 10% diện tích và/hoặc khối lượng sản xuất được chứng nhận của một thành viên hàng năm có thể được cộng thêm vào giấy chứng nhận bằng cách đăng ký diện tích và/hoặc khối lượng sản xuất bổ sung với CB. Không cần thêm xác nhận nào từ CB.</p> <p>Nếu việc gia tăng diện tích và/hoặc khối lượng sản xuất của một thành viên lớn hơn 10% trong một năm, yêu cầu có thêm một lần đánh giá bổ sung trong năm đó, trước khi có thể thêm phần mở rộng vào giấy chứng nhận đang có. Lần đánh giá mở rộng này phải tập trung vào diện tích và/hoặc khối lượng mới.</p> <p>Khi thành viên quyết định không gia hạn mà thay vào đó muốn đưa khối lượng bổ sung vào giấy chứng nhận tiếp theo, CB đưa khối lượng bổ sung vào giấy chứng nhận mới sau khi khối lượng bổ sung đã được xác định trong quá trình đánh giá chứng nhận tiếp theo. Thành viên không được bán sản phẩm cho đến khi được đánh giá viên xác nhận và đưa vào giấy chứng nhận mới.</p> <p>Nếu nhóm hoặc đa nhóm cùng tăng diện tích và/hoặc khối lượng sản xuất lên hơn 10% trong một năm, trong năm đó yêu cầu có một cuộc đánh giá bổ sung của IMS và của ít nhất căn bậc hai số thành viên nhóm mới và/hoặc các thành viên có diện tích và/hoặc khối lượng mới (ít nhất là 5) trước khi có thể thêm phần mở rộng vào giấy chứng nhận hiện có.</p> <p>Chỉ có thể thêm khối lượng nếu trong khi thu hoạch sản phẩm, nhà sản xuất hoặc thành viên nhóm đã tuân thủ tất cả các điểm kiểm soát được áp dụng của Bộ nguyên tắc.</p> |
| Địa điểm | Code + ChoC nhiều địa điểm | <p>Đối với các nhà sản xuất và SCA hoạt động theo cấp truy nguyên IP/SG, để đưa các địa điểm mới vào chứng nhận đa địa điểm, yêu cầu phải có một cuộc đánh giá các địa điểm mới đó và địa điểm trung tâm trước khi gia hạn giấy chứng nhận hiện có. Cuộc đánh giá mở rộng phải được tiến hành không quá 4 tháng sau khi địa điểm đó nhận được đợt mua sản phẩm có chứng nhận UTZ đầu tiên. Sản phẩm được xử lý tại địa điểm mới chỉ có thể được bán như sản phẩm có chứng nhận UTZ sau khi địa điểm đó đã được thêm thành công vào giấy chứng nhận hiện có.</p> <p>Các SCA hoạt động ở cấp truy nguyên MB có thể thêm địa điểm mới vào giấy chứng nhận bằng cách đăng ký địa điểm bổ sung đó với CB. Không cần thêm xác nhận nào phải CB cho đến cuộc đánh giá tiếp theo. Trong cuộc đánh giá tiếp theo, (các) địa điểm mới sẽ được đưa vào mẫu đánh giá như mô tả ở mục 2.5.1 (Tùy chọn Chứng nhận Quy trình Giám sát Nguồn gốc). Nếu địa điểm bổ sung đã được chứng nhận trong giấy chứng nhận một địa điểm hoặc nhiều địa điểm thì không yêu cầu đánh giá bổ sung.</p> |

| Loại Mở rộng | Áp dụng cho | Điều kiện |
|---------------------------|----------------|---|
| Thành viên nhóm | Code (đa) nhóm | Hàng năm có thể thêm tối đa 10% thành viên nhóm mới vào giấy chứng nhận bằng cách đăng ký thành viên nhóm bổ sung (cùng diện tích và khối lượng sản xuất của họ) với CB. Không cần thêm xác nhận nào từ CB. Nếu trên 10% thành viên nhóm được thêm vào trong một năm, trong năm đó yêu cầu có một cuộc đánh giá bổ sung của IMS và của ít nhất căn bậc hai số thành viên nhóm mới và/hoặc các thành viên có diện tích và/hoặc khối lượng mới (ít nhất là 5) trước khi có thể thêm phần mở rộng vào giấy chứng nhận hiện có. Đánh giá mở rộng có thể diễn ra bất kỳ lúc nào trong năm và không bị hạn chế bởi ngày bắt đầu thu hoạch. Mọi thành viên nhóm mới bất kỳ sẽ được chứng nhận cho cùng thời hạn hiệu lực với giấy chứng nhận còn hiệu lực. Không phụ thuộc vào số lượng so với quy mô ban đầu của nhóm, nếu các thành viên nhóm mới được thêm vào bao gồm các thành viên nhóm lớn (hơn 10 công nhân làm việc dài hạn hoặc hơn 20ha diện tích được chứng nhận), cần phải tiến hành đánh giá bổ sung đối với các thành viên nhóm lớn này trước khi mở rộng được thêm vào giấy chứng nhận hiện tại. |
| Hoạt động chế biến | Code + ChoC | Đối với các nhà sản xuất và SCA hoạt động ở cấp truy nguyên IP/SG, để thêm một hoạt động chế biến mới, yêu cầu phải có một cuộc đánh giá hoạt động mới đó trước khi bổ sung phần mở rộng vào chứng nhận hiện có. Các SCA hoạt động ở cấp truy nguyên MB có thể thêm hoạt động chế biến mới vào giấy chứng nhận bằng cách đăng ký hoạt động chế biến mới đó với CB. Không cần thêm xác nhận nào từ CB cho đến khi có cuộc đánh giá tiếp theo. |
| Sản phẩm | ChoC | Khi một SCA mong muốn thêm một sản phẩm khác (nhưng cả hoạt động chế biến và địa điểm vẫn như cũ), CB không cần phải thực hiện đánh giá mở rộng. |
| Cấp độ truy nguyên | ChoC | Các SCA có thể yêu cầu mở rộng cấp độ truy nguyên. Các thành viên đang hoạt động ở cấp truy nguyên IP/SG muốn được thêm MB vào cấp truy nguyên của họ (hoặc ngược lại) phải được đánh giá về tất cả các hoạt động và tài liệu bao gồm trong cấp truy nguyên mới trước khi mở rộng được thêm vào giấy chứng nhận hiện có. Không cần thực hiện đánh giá đối với các thành viên hoạt động ở cấp truy nguyên IP và mong muốn thêm cấp truy nguyên SG, hoặc thành viên hoạt động ở cấp truy nguyên SG và mong muốn thêm cấp truy nguyên IP. |

i. Lưu giữ hồ sơ

Các lỗi không phù hợp, sự khắc phục và hành động khắc phục đã thực hiện (dựa trên những cuộc đánh giá chứng nhận và đột xuất), các báo cáo thanh tra nội bộ (đối với chứng nhận nhóm và đa nhóm) và tự đánh giá, phải được lưu giữ lại, lưu giữ trong ít nhất ba năm và có sẵn để đánh giá viên có thể tiếp cận.

2.3.3. Các đánh giá kết hợp và tích hợp

UTZ tạo điều kiện cho các đánh giá kết hợp và tích hợp như được mô tả dưới đây:

Đánh giá kết hợp: Đối với một thành viên (khách hàng), cùng một nhóm đánh giá hoàn thành quá trình đánh giá và chứng nhận cho các tiêu chuẩn của một số chương trình theo kiểu nối tiếp hoặc song song, sử dụng chính các tiêu chuẩn, danh mục kiểm tra, công cụ và hướng dẫn của từng chương trình. Đối với loại đánh giá này, không cần phải được UTZ cho phép.

Đánh giá tích hợp: Đối với một thành viên (khách hàng), cùng một nhóm đánh giá tích hợp các tiêu chuẩn của một số chương trình trong một quá trình đánh giá, sử dụng một phiên bản tích hợp các tiêu chuẩn, danh mục kiểm tra, công cụ và hướng dẫn. Thành viên sử dụng một hệ thống quản lý/nghiệp vụ tích hợp áp dụng các yêu cầu cho các Tiêu chuẩn này. Đối với loại đánh giá này, phải được UTZ cho phép trước khi tiến hành đánh giá.

Mô hình đánh giá sẽ được CB và thành viên thống nhất. Các yêu cầu sau phải được đánh giá:

| Yêu cầu | Kết hợp | Tích hợp |
|---------|---------|----------|
|---------|---------|----------|

| | | |
|--|---|--|
| Giấy phép thực hiện chương trình | Không bắt buộc cho UTZ | Bắt buộc, từ tất cả các chương trình liên quan |
| Năng lực của đánh giá viên / người chứng nhận | Đánh giá viên/người chứng nhận được phê duyệt riêng biệt cho mỗi chương trình | Sự thừa nhận đầy đủ của các đánh giá viên/người cấp chứng nhận đã được phê duyệt của nhau ¹⁴ |
| Yêu cầu | Kết hợp | Tích hợp |
| Danh mục kiểm tra đánh giá | Danh mục kiểm tra riêng cho mỗi một tiêu chuẩn | Một danh mục kiểm tra tích hợp, liệt kê: - tất cả các điểm kiểm soát chồng chéo (áp dụng cho tất cả các tiêu chuẩn để tránh trùng lặp), và - các điểm soát riêng lẻ bổ sung cho mỗi tiêu chuẩn mà không được cả 2 bên thừa nhận (nếu áp dụng). |
| Chuẩn bị đánh giá | Lập kế hoạch riêng biệt: - Một kế hoạch đánh giá, chỉ ra các mẫu cụ thể và lý do chọn mẫu đó cho mỗi một chương trình - Nhiều lần thẩm xét bản tự đánh giá của khách hàng tùy theo số chương trình chứng nhận | Lập kế hoạch chung: - Một kế hoạch đánh giá - Một mẫu đánh giá và lý do chọn mẫu - Một lần thẩm xét bản tự đánh giá của khách hàng |
| Đánh giá | Đánh giá toàn bộ cho mỗi chương trình: - Mẫu đánh giá cho mỗi chương trình - Đánh giá IMS cho mỗi chương trình - Xem xét thanh tra nội bộ cho mỗi chương trình - Phỏng vấn cho mỗi chương trình | Một đánh giá tích hợp: - Một mẫu - Một đánh giá IMS - Một lần thẩm xét thanh tra nội bộ |
| Thống nhất thời gian hiệu lực chứng nhận | Cho mỗi chương trình, tức là các khung thời gian hiệu lực khác nhau theo hướng dẫn/quy chế của từng chương trình | Cho mỗi chương trình, tức là các khung thời gian hiệu lực khác nhau theo hướng dẫn/quy chế của từng chương trình |
| Thống nhất khối lượng được chứng nhận | Khối lượng được chứng nhận đạt được cho mỗi chương trình, và CB phải kiểm tra nguy cơ bán nhiều lần | Khối lượng được chứng nhận đạt được cho mỗi chương trình, và CB phải kiểm tra nguy cơ bán nhiều lần |
| Báo cáo | Báo cáo đánh giá riêng cho mỗi một tiêu chuẩn | Một báo cáo đánh giá tích hợp |

Các yêu cầu bổ sung đối với đánh giá kết hợp và tích hợp

Đối với cả đánh giá kết hợp và tích hợp, không được phép bán nhiều lần (double selling) khối lượng chứng nhận (tức là bán cùng khối lượng đó nhiều lần trong các chương trình chứng nhận khác nhau). Các thành viên nhận được đánh giá kết hợp hoặc tích hợp sẽ phải ký một "Tuyên Bố Không Bán Nhiều lần" trước khi đánh giá (tuyên bố này có thể được lấy từ cbmanagement@utz.org). CB phải xác minh nguy cơ bán nhiều lần trong quá trình đánh giá.

Các đánh giá kết hợp và tích hợp có thể được tiến hành cho các hàng hoá khác nhau (ví dụ như đánh giá cho chương trình 1 là cho Cà phê và đánh giá cho chương trình 2 là cho Cacao), miễn là danh mục kiểm tra bao gồm tất cả các điểm kiểm soát áp dụng của các chương trình liên quan.

Các yêu cầu bổ sung đối với đánh giá kết hợp:

¹⁴ Nếu người chứng nhận/đánh giá viên cần phải được đào tạo thêm, điều này sẽ được thống nhất lẫn nhau giữa các chương trình liên quan

Trong trường hợp đánh giá kết hợp (chỉ dành cho phạm vi Bộ Nguyên tắc), tổng thời gian đánh giá (cho cả hai chương trình) phải được nhân với cấp độ 1,5.

Ví dụ:

Một nhóm được chứng nhận UTZ và được chứng nhận cho chương trình X. Nếu nhóm đó chỉ được chứng nhận UTZ, thì đánh giá toàn bộ (nông dân và IMS) sẽ mất 2 ngày. Giờ nhóm trải qua một đánh giá kết hợp và tổng thời lượng đánh giá (nông dân và IMS) cho cả 2 chương trình phải được nhân ít nhất 1,5 lần, đó là $2 \text{ ngày} * 1,5 = 3$.

Các yêu cầu bổ sung đối với đánh giá tích hợp:

Trong trường hợp đánh giá tích hợp và khi chưa đạt được sự thừa nhận chung của các chương trình liên quan, các hoạt động sau đây trước hết phải được thực hiện trước khi các chương trình liên quan có thể thừa nhận lẫn nhau và có thể cho phép thực hiện đánh giá tích hợp:

- So sánh, thống nhất và thừa nhận nội dung của các tiêu chuẩn áp dụng (đặc biệt là thừa nhận danh mục kiểm tra tích hợp), sẽ được sự đồng ý của tất cả các chủ chương trình liên quan;
- Đào tạo CB/đánh giá viên về cách tiến hành đánh giá tích hợp (nếu áp dụng), và
- Thống nhất đầy đủ thời hạn hiệu lực và khối lượng được chứng nhận của các tiêu chuẩn áp dụng.

Đối với đánh giá tích hợp, đánh giá tích hợp sẽ phải được CB (hoặc thành viên) đề nghị thực hiện cho từng chương trình riêng lẻ. Đối với UTZ, phải đưa ra đề nghị này bằng cách liên lạc cbmanagement@utz.org. UTZ hoặc các chủ chương trình liên quan khác không thể đảm bảo rằng sự thừa nhận chương trình và sự chấp thuận cho đánh giá tích hợp sẽ được cấp và/hoặc sẽ được cấp trong một khung thời gian nhất định.

2.4. Quá trình Chứng nhận đối với Bộ nguyên tắc

2.4.1. Các tùy chọn Chứng nhận Bộ nguyên tắc

Có năm tùy chọn khác nhau đối với chứng nhận Bộ nguyên tắc. Việc chọn tùy chọn nào phụ thuộc vào loại thành viên. Tùy chọn chứng nhận quyết định việc cần sẽ phải tuân thủ Bộ nguyên tắc chung nào, ai chịu trách nhiệm để tuân thủ, và cách quyết định mẫu cho đánh giá chứng nhận. Điều này được giải thích trong bảng dưới đây. Các tùy chọn sau đây áp dụng trên toàn thế giới cho tất cả các loại hàng hoá, trừ nhà sản xuất ở Braxin và nhà sản xuất hazelnut. Đối với các nhà sản xuất ở Braxin, vui lòng tham khảo các quy tắc đảm bảo có thể dành cho quốc gia này. Đối với các nhà sản xuất hazelnut, không có sự áp dụng khác nhau về điểm kiểm soát dựa trên quy mô và số lượng công nhân.

| Tùy chọn 1: Chứng nhận đơn lẻ | |
|-------------------------------------|---|
| Áp dụng cho thành viên là: | Nhà sản xuất đơn lẻ, sở hữu hoặc quản lý một trang trại có cơ cấu tổ chức độc lập. Các thành viên đơn lẻ, cho toàn bộ diện tích cây trồng được chứng nhận UTZ, không thể đồng thời được chứng nhận trong nhiều hơn một giấy chứng nhận Bộ Nguyên tắc UTZ. |
| Trách nhiệm tuân thủ: | Nhà sản xuất đơn lẻ tuân thủ tất cả các điểm kiểm soát được áp dụng. |
| Mẫu đánh giá cấp chứng nhận: | Số các lô thừa tối thiểu sẽ được CB đánh giá thực tế, bằng căn bậc hai tổng số lô thừa trên trang trại, làm tròn đến số nguyên tiếp theo. CB phải thực hiện đánh giá rủi ro trước khi đánh giá nhằm đánh giá lô thừa nào sẽ được đánh giá thực tế. Nếu kết quả đánh giá rủi ro là rủi ro cao (cho tất cả các lô thừa hoặc cho các lô thừa cụ thể), CB có thể quyết định tăng số lô thừa cần đánh giá thực tế. Mỗi năm phải đánh giá một mẫu các lô thừa khác nhau. Việc xác định lô thừa được lấy mẫu và tiêu chí đánh giá rủi ro phải được đánh giá viên ghi lại. |
| Áp dụng Bộ nguyên tắc chung | Bộ nguyên tắc chung cho chứng nhận đơn lẻ và đa địa điểm (cộng với mô-đun cho sản phẩm cụ thể) |

| Tuỳ chọn 2: Chứng nhận đa địa điểm | |
|---|---|
| Áp dụng cho thành viên là: | Hai hoặc nhiều trang trại được sở hữu hoặc thuê bởi một hoặc nhiều nhà sản xuất có hệ thống quản lý chung. Có một vị trí trung tâm được xác định, là nơi các hoạt động của những nhà sản xuất này và trang trại của họ được quản lý. Có bằng chứng chứng minh rằng bộ phận quản lý trung tâm do (các) nhà sản xuất sở hữu hoặc thuê theo hợp đồng để quản lý các khu vực sản xuất và chế biến. Trang trại nằm trong một chứng nhận đa địa điểm của UTZ không được phép đồng thời bao gồm trong phạm vi của các đơn vị sở hữu chứng nhận Bộ Nguyên tắc UTZ khác. Loại chứng nhận này nhằm vào các thành viên cá nhân đơn lẻ thuê hoặc sở hữu từ hai trang trại trở lên và/hoặc nhằm vào các thành viên đơn lẻ muốn được chứng nhận theo hệ thống quản lý chung. |
| Trách nhiệm tuân thủ: | Bộ phận quản lý trung tâm chịu trách nhiệm cho việc tuân thủ tất cả các điểm kiểm soát được áp dụng của tất cả các nhà sản xuất. |
| Mẫu đánh giá cấp chứng nhận: | Tất cả các địa điểm thuộc bộ phận quản lý trung tâm phải được CB đánh giá thực tế, theo các điều kiện đối với Chứng nhận Đơn lẻ. |
| Áp dụng chứng nhận Bộ nguyên tắc chung | Bộ nguyên tắc chung cho chứng nhận đơn lẻ và đa địa điểm (cộng với mô-đun cho sản phẩm cụ thể) |

| Tuỳ chọn 3: Chứng nhận nhóm | |
|-------------------------------------|--|
| Áp dụng cho thành viên là: | Một nhóm các nhà sản xuất có tổ chức (thành viên nhóm) vận hành một IMS. Nhóm này có thể được tổ chức như một hiệp hội hoặc hợp tác xã hoặc được quản lý bởi một thành viên chuỗi cung ứng (ví dụ nhà xuất khẩu) hoặc một thực thể khác. Nhà sản xuất có hơn 20ha cây trồng được chứng nhận UTZ và/hoặc hơn 10 công nhân làm việc dài hạn trên toàn bộ trang trại được coi là thành viên nhóm lớn. Họ có thể quyết định được chứng nhận đơn lẻ hay theo nhóm. Các thành viên nhóm lớn phải tuân thủ các điểm kiểm soát của Khối C của Bộ nguyên tắc dành cho chứng nhận đơn lẻ, thay vì các điểm kiểm soát của Khối C của Bộ nguyên tắc dành cho chứng nhận Nhóm và Đa Nhóm. Các thành viên nhóm, cho toàn bộ diện tích cây trồng được chứng nhận UTZ, không thể đồng thời được chứng nhận trong nhiều hơn một giấy chứng nhận Bộ Nguyên tắc UTZ. |
| Trách nhiệm tuân thủ: | Một nhóm hoặc một cá nhân tổ chức nhóm đó chịu trách nhiệm cho việc hoạt động đúng của IMS và cho tính phù hợp với các điểm kiểm soát được áp dụng cho nhóm đó. Nhóm hoặc cá nhân đó cũng chịu trách nhiệm cho việc các thành viên nhóm tuân thủ các điểm kiểm soát áp dụng cho các thành viên nhóm phụ thuộc vào diện tích được chứng nhận và số lượng công nhân làm việc dài hạn. |
| Mẫu đánh giá cấp chứng nhận: | IMS của nhóm và ít nhất căn bậc hai tổng số thành viên nhóm (làm tròn đến số nguyên tiếp theo và tối thiểu bằng 5) phải được CB đánh giá thực tế. CB có thể tăng số lượng dựa trên đánh giá rủi ro. Mẫu thành viên nhóm được đánh giá thực tế phải đại diện cho toàn bộ nhóm đó (gồm cả người lãnh canh, người điều hành trang trại và thành viên nhóm lớn), với tối thiểu một thành viên nhóm lớn nếu nhóm có bao gồm bất kỳ thành viên nhóm lớn nào. Ví dụ, nếu thành viên nhóm lớn đại diện cho 20% của nhóm, thì 20% mẫu được đánh giá phải bao gồm thành viên nhóm lớn. Mẫu được chọn dựa trên sự kết hợp giữa đánh giá rủi ro và lựa chọn ngẫu nhiên. Các thành viên nhóm có hệ thống sản xuất, quy mô trang trại, số lượng công nhân tương đối khác nhau hoặc ở vị trí xa hẳn các thành viên còn lại của nhóm phải được đưa vào mẫu. CB phải giữ hồ sơ về thành viên nào của nhóm đã được đánh giá như một phần của mẫu đánh giá, cũng như lý do cho mẫu đã chọn. |
| Áp dụng Bộ nguyên tắc chung | IMS và thành viên nhóm lớn có ít hơn 20ha diện tích được chứng nhận hoặc ít hơn 11 công nhân làm việc dài hạn: Bộ nguyên tắc chung cho chứng nhận nhóm và đa nhóm (cộng với mô-đun cho sản phẩm cụ thể); Thành viên nhóm lớn: Bộ nguyên tắc chung cho chứng nhận nhóm và đa nhóm (cộng với mô-đun cho sản phẩm cụ thể đối với Khối A, B và D); Các điểm kiểm soát của Khối C của Bộ nguyên tắc chung cho chứng nhận đơn lẻ và chứng nhận đa địa điểm. |

| Tuỳ chọn 4: Chứng nhận Đa Nhóm | |
|-------------------------------------|---|
| Áp dụng cho thành viên là: | <p>Một nhóm bao gồm hai hoặc nhiều nhóm nhỏ các nhà sản xuất có tổ chức, được quản lý bởi một IMS chung. Mỗi nhóm nhỏ cũng thực hiện IMS của chính mình. Điều phối viên IMS của mỗi nhóm nhỏ và quản lý IMS của đa nhóm làm việc cùng nhau để đảm bảo quản lý phù hợp đa nhóm đó.</p> <p>Chứng nhận đa nhóm được chọn trong tình huống sản phẩm có chứng nhận được xuất khẩu mang tên của đa nhóm đó. Đa nhóm bảo lưu lựa chọn nêu tên của nhóm nhỏ trong tài liệu kinh doanh và trong hệ thống truy nguyên UTZ.</p> |
| Trách nhiệm tuân thủ: | <p>Đa nhóm chịu trách nhiệm về hoạt động thỏa đáng của IMS của Đa nhóm và IMS của các nhóm nhỏ đối với các điểm kiểm soát được áp dụng cho nhóm và đối với sự tuân thủ của các thành viên nhóm với các điểm kiểm soát áp dụng cho các thành viên nhóm.</p> |
| Mẫu đánh giá cấp chứng nhận: | <p>IMS của nhóm và ít nhất căn bậc hai tổng số thành viên nhóm của tất cả các nhóm nhỏ cộng lại (làm tròn đến số nguyên tiếp theo và tối thiểu bằng 5) phải được CB đánh giá thực tế. CB đó có thể tăng số lượng dựa trên đánh giá rủi ro.</p> <p>Mẫu thành viên nhóm được đánh giá thực tế phải đại diện cho toàn bộ đa nhóm đó (gồm cả người lãnh canh và người điều hành trang trại). Mẫu này được chọn dựa trên sự kết hợp giữa đánh giá theo rủi ro và lựa chọn ngẫu nhiên.</p> <p>Các nhóm nhỏ với hệ thống sản xuất khác nhau đáng kể được coi là các thực thể đơn lẻ. Mẫu phải bao gồm căn bậc hai số các nhóm nhỏ đó.</p> <p>Nếu đa nhóm bao gồm các thành viên nhóm lớn, áp dụng quy tắc lấy mẫu đánh giá về đại diện mẫu đã đề cập bên trên trong Tuỳ chọn 3: Chứng nhận Nhóm.</p> <p>CB phải giữ hồ sơ về thành viên nào của nhóm đã được đánh giá như một phần của mẫu đánh giá, cũng như lý do cho mẫu đã chọn.</p> |
| Áp dụng Bộ nguyên tắc chung | <p>Bộ nguyên tắc chung cho chứng nhận nhóm và đa nhóm (cộng với mô-đun cho sản phẩm cụ thể)</p> <p>Nếu đa nhóm bao gồm các thành viên nhóm lớn, áp dụng quy tắc Bộ nguyên tắc chung hiện hành đã đề cập bên trên trong Tuỳ chọn 3: Chứng nhận Nhóm.</p> |

| Tuỳ chọn 5: Chứng nhận Đơn lẻ/Đa địa điểm cộng với người trồng ngoài | |
|--|--|
| Áp dụng cho thành viên là: | <p>Thành viên về Chè/Rooibos hoặc Cà phê, tức là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một đơn vị chế biến đơn lẻ (có hoặc không có trang trại riêng) cộng với những người trồng ngoài, hoặc - Một đơn vị chế biến đa địa điểm (có hoặc không có trang trại riêng) cộng với những người trồng ngoài |
| Trách nhiệm tuân thủ: | <p>Đơn vị chế biến (có hoặc không có trang trại riêng) phải tuân thủ tất cả các điểm kiểm soát hiện hành của Bộ Nguyên tắc cho chứng nhận đơn lẻ và đa địa điểm.</p> <p>Đơn vị chế biến tổ chức người trồng ngoài sẽ chịu trách nhiệm về chức năng hoạt động đúng chức năng của IMS và sự tuân thủ của người trồng ngoài với các điểm kiểm soát của Bộ Nguyên tắc cho chứng nhận nhóm và đa nhóm.</p> <p>Nếu khối lượng mua từ người trồng ngoài ít hơn 5% tổng khối lượng được chứng nhận mà đơn vị chế biến đó chế biến, thì sẽ có một <u>thời kỳ ân hạn là hai năm</u> để đạt được sự phù hợp với Bộ Nguyên tắc cho Chứng nhận Nhóm và Đa nhóm và Mô-đun sản phẩm cụ thể, bắt đầu từ thời điểm người trồng chế biến ngoài được bao gồm trong giấy chứng nhận. Trong thời kỳ này, đơn vị chế biến chịu trách nhiệm thiết lập IMS cần phải chứng minh rằng đã thực hiện các bước để đạt được sự tuân thủ đầy đủ. Trong suốt giai đoạn khởi động này, khối lượng có thể được chấp nhận là sản phẩm được chứng nhận, mặc dù IMS vẫn chưa được thiết lập đầy đủ.</p> |
| Mẫu đánh giá cấp chứng nhận: | <ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị chế biến đơn lẻ: như mô tả trong mục 2.4.1 về chứng nhận đơn lẻ - Đơn vị chế biến đa địa điểm: như mô tả trong mục 2.4.1 về chứng nhận đa địa điểm - Người trồng ngoài: như mô tả trong phần 2.4.1 về chứng nhận nhóm |
| Áp dụng Bộ nguyên tắc chung : | <ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị chế biến: Bộ nguyên tắc chung cho chứng nhận đơn lẻ và đa địa điểm (cộng với mô-đun cho sản phẩm cụ thể) - Người trồng ngoài: Bộ nguyên tắc chung cho chứng nhận nhóm và đa nhóm (cộng với mô-đun cho sản phẩm cụ thể) |

Thông tin bổ sung liên quan đến định nghĩa thành viên nhóm lớn

Đối với các nhà sản xuất đã tham gia chương trình UTZ tại thời điểm phiên bản 4.3 của Quy chế Chứng nhận có hiệu lực bắt buộc và phù hợp với định nghĩa thành viên nhóm lớn, sẽ có thời kỳ chuyển đổi cho đến ngày 1 tháng 4 năm 2019 để đạt được sự phù hợp theo các điểm kiểm soát của Khối C theo Bộ Nguyên tắc cho chứng nhận đơn lẻ và địa điểm cho lần đánh giá sau, hoặc để rời khỏi nhóm. Các nhà sản xuất này, độc lập với năm tuân thủ khi còn là thành viên thuộc chứng nhận nhóm, có thể chọn năm tuân thủ mà họ sẽ được đánh giá theo năm chứng nhận đầu tiên theo Bộ Nguyên tắc cho chứng nhận đơn lẻ và địa điểm hoặc theo Khối C của Bộ Nguyên tắc cho chứng nhận đơn lẻ và địa điểm

Thông tin bổ sung liên quan đến chứng nhận người trồng ngoài

Có tùy chọn chứng nhận này để cho phép những người trồng ngoài được bao gồm trong chứng nhận của một đơn vị chế biến đơn lẻ hoặc địa điểm. Người trồng ngoài là những nhà sản xuất, do không có khả năng chế biến sản phẩm của mình, thỏa thuận bằng miệng hoặc ký hợp đồng để cung cấp sản phẩm của mình cho một đơn vị chế biến độc lập (có thể là một đơn vị chế biến đơn lẻ hoặc địa điểm, có hoặc không có trang trại riêng).

Tùy chọn chứng nhận này kết hợp, trong một giấy phép và giấy chứng nhận, một chứng nhận đơn lẻ hoặc địa điểm với một chứng nhận nhóm. Đơn vị sở hữu chứng nhận trong trường hợp này là đơn vị chế biến đơn lẻ hoặc địa điểm. Tùy chọn chứng nhận này chỉ có thể được sử dụng bởi các thành viên về Chè/Rooibos và Cà phê.

CB báo cáo và thông báo cho UTZ về số lượng người trồng ngoài, tổng sản lượng mà đơn vị chế biến đã mua từ những người trồng ngoài và về tình trạng chứng nhận của những người trồng ngoài.

2.4.2. Thủ tục chứng nhận Bộ nguyên tắc

Các cuộc Đánh giá chứng nhận Code phải bao gồm các bước sau:

| Thủ tục đánh giá Bộ nguyên tắc | |
|---------------------------------------|---|
| 1 | Hợp khai mạc với ít nhất một đại diện bộ phận quản lý, có bao gồm nội dung về mục tiêu cuộc đánh giá. Cuộc họp này nhằm khẳng định kế hoạch đánh giá và thông tin chủ chốt liên quan đến cuộc đánh giá (chẳng hạn như phạm vi và địa điểm), và để giải thích phương pháp và bản chất cuộc đánh giá (lấy mẫu, tính bảo mật và tính công bằng). |
| 2 | <p>Chỉ đối với chứng nhận (đa) nhóm: Đánh giá cơ cấu và chức năng hoạt động của IMS, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác minh danh sách thành viên nhóm - Xác minh hợp đồng hoặc thỏa thuận giữa các thành viên nhóm và nhóm hoặc bộ phận quản lý IMS - Xem xét các hồ sơ về cuộc đánh giá nội bộ hàng năm do IMS thực hiện - Xem xét cách IMS giải quyết những lỗi không phù hợp - Đánh giá chứng kiến mẫu đại diện của thanh tra viên nội bộ, nhằm đánh giá năng lực và hiệu quả làm việc của thanh tra viên nội bộ <p>Thời gian tối thiểu cho đánh giá này, bao gồm đánh giá chứng kiến, là 0,5 ngày (nếu thấy cần thiết, có thể dành nhiều thời gian hơn)</p> |
| 3 | Xem xét kết quả (các) cuộc đánh giá bên ngoài trước đó (nếu có), và việc tự đánh giá hàng năm mà thành viên đó thực hiện. |

| Thủ tục đánh giá Bộ nguyên tắc | |
|--------------------------------|--|
| 4 | <p>Xem xét tất cả các tài liệu liên quan, bao gồm ít nhất (nếu có):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ước tính sản lượng và phương pháp ước tính sản lượng - Thủ tục truy nguyên nguồn gốc - Quy trình "Sử dụng giá thưởng UTZ" - Danh mục các loại thuốc BVTV được phê duyệt (để so sánh với Danh mục Thuốc BVTV bị Cấm của UTZ và Danh mục hạn chế sử dụng) - Hiệp hội người lao động và thương lượng tập thể |
| 5 | <p>Đánh giá hồ sơ, bao gồm ít nhất những hồ sơ liên quan đến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Truy nguyên, bao gồm đánh giá các giao dịch được ghi lại trong hệ thống truy nguyên UTZ - Sử dụng giá thưởng UTZ - Quản lý mùa vụ: trồng cây, sử dụng phân bón, sử dụng thuốc trừ sâu - Thu hoạch: ngày, thông tin thửa, khối lượng (hồ sơ mua hàng và khối lượng thu hoạch ước tính đối với chứng nhận (đơn nhóm)) - Nhân sự: hợp đồng, bảng tính giờ làm, bảng lương. |
| 6 | Tính toán kiểm soát dòng sản phẩm. |
| 7 | <p>Đánh giá thực địa, bao gồm quan sát các hoạt động, kiểm tra hạ tầng, phỏng vấn người lao động/nhân viên, và xác nhận dữ liệu (thực hành nông nghiệp tốt, sản lượng, điều kiện làm việc).</p> <p>Đối với chứng nhận nhóm và đa nhóm, thời gian sau đây phải được tôn trọng đối với kiểm tra thực địa:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tối đa 6 thành viên nhóm mỗi ngày cho mỗi đánh giá viên (trong phần lớn trường hợp, con số này được kỳ vọng sẽ ít hơn)¹⁵; trong trường hợp thành viên nhóm lớn, tối đa 3 thành viên nhóm được đánh giá mỗi ngày. Để tạo điều kiện cho công tác đánh giá, sẽ coi đánh giá một thành viên nhóm lớn tương đương với đánh giá 2 thành viên nhóm không lớn (ví dụ: có thể đánh giá tối đa 2 thành viên nhóm lớn và 2 thành viên nhóm không lớn mỗi ngày) • Thời gian tối thiểu cho kiểm tra một đơn vị chế biến: 0,25 ngày công (nếu thấy cần thiết, có thể bố trí thêm thời gian) <p>Việc phỏng vấn người lao động chỉ có thể được thực hiện khi không có mặt người giám sát và quản lý, và danh tính của người được phỏng vấn phải luôn được giữ kín.</p> <p>Số lượng nam giới và nữ giới được lựa chọn để phỏng vấn sẽ phải tỷ lệ thuận với tổng số công nhân nam và nữ. Để đảm bảo các nhóm nhạy cảm được thể hiện đầy đủ, ít nhất phải xem xét thêm các thông số sau khi xác định mẫu những người được phỏng vấn:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tuổi • Dân tộc • Hình thức làm việc (dài hạn, tạm thời, bán thời gian, trả theo công khoán) • Cấp bậc • Loại công việc thực hiện • Thời gian làm việc cho tổ chức <p>Các phỏng vấn về phân biệt giới tính, bạo hành hay quấy rối tình dục sẽ phải được thực hiện bởi đánh giá viên đã được đào tạo cách phỏng vấn về những chủ đề này. Khuyến nghị khi có thể nên có một nữ đánh giá viên trong đội để thực hiện phỏng vấn nữ giới về các vấn đề này.</p> |
| 8 | <p>Xem xét tại văn phòng, bao gồm xem xét tài liệu, kiểm tra chéo hồ sơ, kiểm soát dòng sản phẩm và kiểm tra khả năng truy nguyên (nhận dạng các lô nguyên liệu thô cho đến các lô thành phẩm cuối cùng, và ngược lại)</p> |

¹⁵ Trong trường hợp CB muốn mỗi thanh tra viên thanh tra nhiều hơn 6 trang trại mỗi ngày, cần phải liên hệ bộ phận Tiêu chuẩn và Bảo đảm (S&A) trước cuộc đánh giá (xem mục 1.6)

| Thủ tục đánh giá Bộ nguyên tắc | |
|--------------------------------|---|
| 9 | <p>Hợp kết thúc với ít nhất bộ phận quản lý, trong đó (các) đánh giá viên phải trình bày kết luận của cuộc đánh giá với đơn vị được đánh giá, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> Các lỗi không phù hợp đã xác định được, bao gồm bằng chứng và giải thích tại sao những lỗi này lại được coi là sai lệch so với tiêu chuẩn UTZ, Các bước tiếp theo mà đơn vị được đánh giá cần thực hiện: nộp kế hoạch hành động khắc phục trong thời hạn đã thống nhất, Giải thích về những điều được kỳ vọng về mặt chứng cứ như một phần của kế hoạch hành động khắc phục: sự khắc phục (các giải pháp tức thời) và các hành động khắc phục (giải quyết nguyên nhân gốc rễ của vấn đề) cho từng lỗi không phù hợp. |

2.4.3. Điều kiện Chứng nhận Bộ nguyên tắc

a. Tuân thủ

Bộ nguyên tắc và Mô-đun cho sản phẩm cụ thể

Bộ nguyên tắc bao gồm hai Bộ nguyên tắc chung (một cho chứng nhận đơn lẻ và đa địa điểm, và một cho chứng nhận nhóm và đa nhóm) và một số Mô-đun cho sản phẩm cụ thể.

Để đạt được chứng nhận Bộ nguyên tắc, các thành viên phải tuân thủ Bộ nguyên tắc **và** Mô-đun cho sản phẩm cụ thể áp dụng với thực trạng của mình (ví dụ, một hợp tác xã Cacao cần tuân thủ Bộ nguyên tắc cho chứng nhận (đơn) nhóm **và** Mô-đun cho Cacao). Họ phải tuân thủ các yêu cầu phù hợp trong hai tài liệu này, tùy vào hoạt động của họ.

Nếu có mâu thuẫn giữa những gì yêu cầu trong Bộ nguyên tắc và những gì yêu cầu trong Mô-đun thì yêu cầu trong Mô-đun sẽ được ưu tiên trước.

Năm tuân thủ

Thành viên mới sẽ phải tuân thủ các yêu cầu trong năm đầu tiên của Code. Thành viên chứng nhận lại phải chuyển sang năm chứng nhận tiếp theo (ví dụ từ năm 1 đến năm 2) cho đến năm 4. Việc này cũng áp dụng khi thành viên đó thay đổi CB.

Thành viên luôn có thể yêu cầu đánh giá theo những yêu cầu của một năm cao hơn. Tương tự, trong những năm tuân thủ khác nhau, các nhóm nhà sản xuất có thành viên nhóm có thể yêu cầu tất cả thành viên của mình đều được đánh giá theo năm cao nhất.

Khi chứng nhận bị gián đoạn (ví dụ do thành viên không đáp ứng yêu cầu chứng nhận hoặc quyết định không xin chứng nhận lại trong một thời gian), nếu thành viên đó quyết định chứng nhận lại, những mục sau sẽ được áp dụng:

| Thời gian không được chứng nhận* | Năm áp dụng chứng nhận |
|----------------------------------|---|
| 1,5 năm trở xuống | Năm chứng nhận gần nhất + 1 |
| Lớn hơn 1,5 và nhỏ hơn 3,5 năm | Cùng năm với chứng nhận gần nhất |
| 3,5 năm trở lên | Năm 1 (thành viên được coi là thành viên mới) |

* Thời gian giữa ngày hết hạn giấy chứng nhận gần nhất và ngày bắt đầu vụ thu hoạch được chứng nhận tiếp theo.

Mỗi năm, thành viên phải tuân thủ tất cả các điểm kiểm soát bắt buộc cũng như một số điểm kiểm soát bổ sung theo quy định. Thành viên chọn các điểm kiểm soát bổ sung nào để tuân thủ¹⁶.

Các thầu phụ được bao gồm trong chứng nhận của một thành viên phải tuân thủ những yêu cầu của năm đó giống như chính bản thân thành viên.

¹⁶ Các CP bổ sung mà thành viên không (chưa) chọn tuân thủ, sẽ không được đưa vào đề nghị cấp giấy phép như một điểm không phù hợp. Có thể có hoặc không đề cập các điểm này, hoặc một vài điểm trong số đó, như những điểm cần giải quyết trong các chứng nhận sau này.

Sản xuất song song

Không cho phép sản xuất song song trong trường hợp chứng nhận (đơn) nhóm. Nói cách khác, thành viên nhóm không thể có một vài lô thửa có chứng nhận UTZ còn những lô thửa khác lại không được bao gồm trong chứng nhận UTZ. Điều này được phép đối với chứng nhận đơn lẻ và đa địa điểm nhưng chỉ khi có sẵn một hệ thống nhận dạng và phân biệt đảm bảo tính nhất quán của sản phẩm UTZ.

b. Đánh giá chứng nhận lần đầu tiên

Đánh giá chứng nhận lần đầu tiên (đối với thành viên mới và đối với thành viên có chứng nhận đã bị gián đoạn) phải được thực hiện trong thời gian từ 4 tháng trước đến 4 tháng sau ngày bắt đầu của vụ thu hoạch đầu tiên được chứng nhận. Vụ thu hoạch có thể là vụ thu hoạch chính/lớn hoặc trung/nhỏ. Nếu cuộc đánh giá được thực hiện ngoài thời gian này, vụ thu hoạch không được chứng nhận. Nếu là vụ thu hoạch liên tục, cuộc đánh giá lần đầu tiên có thể tiến hành bất cứ lúc nào.

Trong cuộc đánh giá lần đầu tiên, đánh giá viên phải xác minh tất cả các hồ sơ yêu cầu trong Bộ nguyên tắc trong vòng tối đa 4 tháng trước ngày đánh giá nhằm có được cái nhìn tổng quát về việc lưu giữ hồ sơ của trang trại. Hồ sơ phải đáp ứng yêu cầu của Bộ nguyên tắc từ ngày đầu tiên của giấy chứng nhận trở đi.

Khi cuộc đánh giá diễn ra sau ngày đầu tiên của vụ thu hoạch, đánh giá viên phải kiểm tra trở lại các yêu cầu trong khoảng thời gian giữa ngày bắt đầu vụ thu hoạch và ngày đánh giá.

c. Đánh giá chứng nhận tiếp theo

Các cuộc đánh giá chứng nhận tiếp theo (hay đánh giá chứng nhận lại), phải được thực hiện trong khoảng thời gian từ 4 tháng trước đến 4 tháng sau ngày hết hạn giấy chứng nhận. Nếu cuộc đánh giá được thực hiện ngoài thời gian này, vụ thu hoạch đầu tiên của năm đó sẽ không thể được chứng nhận.

Trong khi đánh giá chứng nhận lại, đánh giá viên phải xác minh tất cả các hồ sơ yêu cầu trong Bộ nguyên tắc từ cuộc đánh giá trước đó.

d. Khối lượng được chứng nhận

Khối lượng được chứng nhận là khối lượng sản phẩm mà một thành viên có thể bán với tư cách một sản phẩm có chứng nhận UTZ. Dựa trên ước tính của thành viên về khối lượng họ sẽ sản xuất được trong (các) vụ thu hoạch có trong giấy chứng nhận. Ước tính này phải được CB xác minh và phải được thực hiện bằng cách sử dụng phương pháp tin cậy, dựa trên, chẳng hạn, (các) vụ thu hoạch trong năm trước, mật độ/số cây, tuổi, sử dụng đầu vào, sâu bệnh, các loại cây, chất lượng đất, vị trí địa lý, khí hậu.

e. Hàng tồn kho chuyển lại

Hàng tồn kho chuyển lại là lượng hàng thực tế còn lại từ chứng nhận trước đó mà được cộng thêm vào khối lượng trong giấy chứng nhận mới của một nhà sản xuất / nhóm nhà sản xuất. Nó có thể áp dụng cho hai tình huống:

1. Nếu trong kỳ chứng nhận trước đó, khối lượng thu hoạch được cao hơn khối lượng được chứng nhận, có thể đưa khối lượng này vào giấy chứng nhận mới dưới dạng khối lượng tồn kho chuyển lại.
2. Nếu thành viên có sản phẩm được chứng nhận từ kỳ chứng nhận trước trong kho (thực tế có mặt tại thời điểm đánh giá) sẽ không được bán trong kỳ chứng nhận trước đó, có thể đưa phần chênh lệch giữa hai số lượng vào giấy chứng nhận mới dưới dạng khối lượng tồn kho chuyển lại.

Trong cả hai trường hợp, CB phải đánh giá số lượng và đưa số lượng này vào giấy chứng nhận dưới dạng "khối lượng tồn kho chuyển lại".

Không thể xem khối lượng được đưa đến kho và đã thông báo trong hệ thống truy nguyên UTZ là khối lượng tồn kho chuyển lại trong giấy chứng nhận mới. (Khối lượng này được tự động thêm vào giấy phép mới.)

f. Giấy chứng nhận

Hiệu lực của giấy chứng nhận đầu tiên (cũng như giấy chứng nhận đầu tiên sau thời gian không được chứng nhận đối với thành viên có chứng nhận bị gián đoạn) bắt đầu vào ngày thu hoạch đầu tiên của thành viên, sao cho toàn bộ kỳ thu hoạch đều được bao gồm trong giấy chứng nhận.

Nếu là thu hoạch liên tục, hiệu lực của giấy chứng nhận đầu tiên bắt đầu từ ngày ra quyết định cấp chứng nhận hoặc trong sớm nhất là 4 tháng trước ngày cuối cùng của cuộc đánh giá nếu tất cả các hồ sơ yêu cầu đều được xác minh tính từ ngày đó trở lại.

Các giấy chứng nhận tiếp theo bắt đầu vào ngày sau khi giấy chứng nhận trước đó hết hạn.

Giấy chứng nhận cho đa địa điểm và đa nhóm liệt kê tên địa điểm và nhóm được bao gồm trong giấy chứng nhận đó. Tên trên giấy chứng nhận là tên mà thành viên đăng ký trong hệ thống truy nguyên UTZ.

2.5. Quá trình Chứng nhận Quy trình Giám sát Nguồn gốc

2.5.1. Tùy chọn Chứng nhận Quy trình Giám sát Nguồn gốc

Có hai tùy chọn khác nhau cho chứng nhận ChoC (Quy trình Giám sát Nguồn gốc). Việc chọn tùy chọn nào phụ thuộc vào loại thành viên. Tùy chọn chứng nhận quyết định ai chịu trách nhiệm để tuân thủ và cách lấy mẫu đánh giá chứng nhận. Điều này được giải thích trong bảng dưới đây.

| Tùy chọn 1: Chứng nhận đơn lẻ | |
|-----------------------------------|---|
| Áp dụng cho thành viên là: | SCA đơn lẻ nơi mà các đơn vị quản lý trung tâm và xử lý, chế biến và bảo quản được đặt ở cùng một địa điểm, ở cùng địa điểm thực tế duy nhất. |
| Trách nhiệm tuân thủ: | SCA đơn lẻ tuân thủ tất cả các CP áp dụng. |
| Mẫu đánh giá chứng nhận: | Tất cả các quy trình và hoạt động có thể được chứng nhận thực hiện bởi SCA đơn lẻ phải được CB đánh giá thực tế. |
| Khoảng thời gian đánh giá | Từ 0,5 đến 1 ngày công |

| Tùy chọn 2: Chứng nhận đa địa điểm | | | | | | | | | | |
|------------------------------------|--|---|----------------------------------|------------------------|----------|---|---|----|------------------|---|
| Áp dụng cho thành viên là: | Một vị trí trung tâm được xác định trong đó có hai hay nhiều địa điểm xử lý, chế biến và bảo quản sản phẩm được chứng nhận UTZ đang hoạt động. Tất cả các địa điểm và vị trí trung tâm đều được quản lý thông qua bộ phận quản lý chung mà có thể được xác minh từ vị trí trung tâm. Một thành viên đa địa điểm có thể bao gồm các tổ chức hợp pháp khác nhau và tất cả các địa điểm phải có mối liên kết pháp lý hay theo hợp đồng với vị trí trung tâm của tổ chức. | | | | | | | | | |
| Trách nhiệm tuân thủ | Tất cả các địa điểm dưới quyền quản lý trung tâm tuân thủ tất cả các điểm kiểm soát áp dụng. | | | | | | | | | |
| Mẫu đánh giá chứng nhận: | <p>CB phải quyết định địa điểm nào sẽ được đưa vào mẫu đánh giá dựa trên các quy định sau, theo thứ tự ưu tiên:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tất cả các địa điểm mắc các lỗi không phù hợp trong lần đánh giá trước đó. Bất kỳ địa điểm nào hoạt động dưới cấp truy nguyên MB mà được thêm vào giấy chứng nhận trước đó như một phần của mở rộng địa điểm (mà không cần được đánh giá). Lấy mẫu dựa trên cấp độ truy nguyên của thành viên đó: <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="background-color: #f4b400;">Cấp độ truy nguyên</th> <th style="background-color: #f4b400;">Đánh giá chứng nhận lần đầu tiên</th> <th style="background-color: #f4b400;">Đánh giá lần tiếp theo</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>IP và SG</td> <td>Căn bậc hai tổng số địa điểm*, bao gồm vị trí trung tâm</td> <td>Căn bậc hai tổng số địa điểm*, bao gồm vị trí trung tâm³⁷</td> </tr> <tr> <td>MB</td> <td>Vị trí trung tâm</td> <td>Căn bậc hai tổng số địa điểm*, bao gồm vị trí trung tâm</td> </tr> </tbody> </table> <p>* làm tròn đến số nguyên tiếp theo. Xin lưu ý rằng quy định 1 và 2 được ưu tiên hơn, điều đó có nghĩa mẫu có thể cần phải lớn hơn căn bậc 2.</p> <ol style="list-style-type: none"> Các địa điểm khác nhau phải được đánh giá trong từng chu kỳ đánh giá. <p>Tất cả vị trí trung tâm và các địa điểm phải được đánh giá thực tế. Tuy nhiên, có một ngoại lệ cho quy định này: đối với các cuộc đánh giá tiếp theo ở các SCA đa địa điểm hoạt động duy nhất theo cấp MB, các địa điểm của mẫu đánh giá có thể được đánh giá từ xa từ vị trí trung tâm (ví dụ từ văn phòng chính), với điều kiện là thành viên gửi yêu cầu đến CB và đáp ứng hai tiêu chí sau đây trước đợt thanh tra:</p> <ol style="list-style-type: none"> Thành viên có hệ thống quản lý trung tâm bao gồm một ban quản trị trung tâm tại vị trí trung tâm có bao gồm tất cả địa điểm trong phạm vi của nó, và; Thành viên có một tài khoản tín dụng³⁸ phản ánh khối lượng đầu vào và đầu ra của ban quản lý trung tâm này, và tuân thủ điểm kiểm soát 19 của Tiêu chuẩn Quy trình Giám sát Nguồn gốc của UTZ. <p>Trong trường hợp CB nghi ngờ hai tiêu chí trên có được đáp ứng hay không (trong quá trình chuẩn bị hoặc trong khi đánh giá), CB có thể quyết định đánh giá thực tế các địa điểm được lấy mẫu.</p> | Cấp độ truy nguyên | Đánh giá chứng nhận lần đầu tiên | Đánh giá lần tiếp theo | IP và SG | Căn bậc hai tổng số địa điểm*, bao gồm vị trí trung tâm | Căn bậc hai tổng số địa điểm*, bao gồm vị trí trung tâm ³⁷ | MB | Vị trí trung tâm | Căn bậc hai tổng số địa điểm*, bao gồm vị trí trung tâm |
| Cấp độ truy nguyên | Đánh giá chứng nhận lần đầu tiên | Đánh giá lần tiếp theo | | | | | | | | |
| IP và SG | Căn bậc hai tổng số địa điểm*, bao gồm vị trí trung tâm | Căn bậc hai tổng số địa điểm*, bao gồm vị trí trung tâm ³⁷ | | | | | | | | |
| MB | Vị trí trung tâm | Căn bậc hai tổng số địa điểm*, bao gồm vị trí trung tâm | | | | | | | | |
| Thời lượng đánh giá | từ 0,5 đến 1 ngày công đối với vị trí trung tâm, từ 0,25 đến 0,5 ngày công đối với từng địa điểm bổ sung. Trong trường hợp mà từ vị trí trung tâm tiến hành đánh giá từ xa các địa điểm cấp truy nguyên MB thì cứ mỗi địa điểm sẽ cộng thêm từ 0,25 đến 0,5 ngày công vào thời gian đánh giá ở vị trí trung tâm. | | | | | | | | | |

³⁷ Ví dụ: 2 địa điểm + 1 vị trí trung tâm => $\sqrt{2+1} = \sqrt{3} = 2$ cơ sở sẽ được đánh giá (căn bậc hai được làm tròn lên). Trong mẫu đánh giá gồm 2 địa điểm này, ít nhất phải đánh giá vị trí trung tâm công thêm một địa điểm khác.

³⁸ Nếu việc sử dụng tài khoản tín dụng là bắt buộc, xem điểm kiểm soát 19 của Quy trình Giám sát Nguồn gốc.

2.5.2. Thủ tục Chứng nhận Quy trình Giám sát Nguồn gốc

Đánh giá theo ChoC UTZ phải bao gồm các bước sau:

| Thủ tục Đánh giá Quy trình Giám sát Nguồn gốc | |
|---|---|
| 1 | Họp khai mạc với ít nhất một đại diện bộ phận quản lý. |
| 2 | Xem xét kết quả cuộc đánh giá bên ngoài trước đó (nếu có), và việc tự đánh giá hàng năm mà thành viên đó và bất kỳ nhà thầu phụ nào (nếu áp dụng) thực hiện. |
| 3 | Xem xét tất cả các tài liệu liên quan. |
| 4 | Đánh giá hồ sơ. |
| 5 | Tính toán kiểm soát dòng sản phẩm. |
| 6 | Thảo luận / phỏng vấn với các thành viên chủ chốt. |
| 7 | Đánh giá thực tế nhằm xác minh tính phù hợp với tất cả các điểm kiểm soát áp dụng của ChoC và, nếu thích hợp, đánh giá tài liệu đối với các địa điểm không được đánh giá thực tế. |
| 8 | Họp kết thúc với ít nhất lãnh đạo tổ chức, trong đó (các) đánh giá viên phải trình bày kết luận của cuộc đánh giá với đơn vị được đánh giá, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> • Các lỗi không phù hợp đã xác định được, bao gồm bằng chứng và giải thích tại sao những lỗi này lại được coi là sai lệch so với tiêu chuẩn UTZ, • Các bước tiếp theo mà đơn vị được đánh giá cần thực hiện: nộp kế hoạch hành động khắc phục cần trong thời hạn đã thống nhất, • Giải thích về những điều được kỳ vọng về mặt chứng cứ như một phần của kế hoạch hành động khắc phục: sự khắc phục (các giải pháp tức thời) và các hành động khắc phục (giải quyết nguyên nhân gốc rễ của vấn đề) cho từng lỗi không phù hợp. |

2.5.3 Điều kiện Chứng nhận Quy trình Giám sát Nguồn gốc

a. Đánh giá chứng nhận lần đầu tiên

Đối với các SCA hoạt động ở cấp IP hoặc SG, cuộc đánh giá lần thứ nhất phải được tiến hành trong vòng 4 tháng kể từ khi SCA nhận được đợt mua sản phẩm UTZ đầu tiên. Sản phẩm đã nhận về trên 4 tháng trước cuộc đánh giá đầu tiên không thể được công bố như là hàng UTZ.

Đối với những SCA hoạt động ở cấp MB, cuộc đánh giá đầu tiên phải được tiến hành trong vòng 4 tháng sau đợt mua sản phẩm UTZ đầu tiên. Sản phẩm đã mua trên 4 tháng trước cuộc đánh giá đầu tiên không thể được công bố như là hàng UTZ.

Đánh giá viên phải xác minh hồ sơ yêu cầu trong ChoC trong 4 tháng trước ngày đánh giá nhằm có được cái nhìn tổng quan về việc lưu giữ hồ sơ của tổ chức. Hồ sơ sẽ phải tuân thủ yêu cầu ChoC từ ngày đầu tiên giấy chứng nhận có hiệu lực.

SCA không được phép bán sản phẩm UTZ cho tới khi họ nhận được một chứng chỉ có hiệu lực.

b. Đánh giá chứng nhận tiếp theo

Các cuộc đánh giá chứng nhận tiếp theo (hay đánh giá chứng nhận lại), sẽ phải được thực hiện trong khoảng thời gian từ 4 tháng trước đến 4 tháng sau ngày hết hạn giấy chứng nhận. Trong cuộc đánh giá này, đánh giá viên phải xác minh tất cả các hồ sơ yêu cầu trong ChoC từ cuộc đánh giá trước đó.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2016, các CB phải cấp giấy chứng nhận có thời hạn hiệu lực lâu hơn cho các thành viên có chứng nhận UTZ¹⁹ thực hiện tốt trong các đợt đánh giá ChoC. Thời hạn hiệu lực sẽ tăng từ một năm lên hai

¹⁹ Thành viên UTZ đã được chứng nhận về Quy trình giám sát nguồn gốc cho một hoặc nhiều chương trình UTZ.

năm²⁰ cho những người luôn thể hiện thành tích tốt. Những thành viên mới²¹ vẫn cần phải tiếp nhận đánh giá ChoC vào năm thứ hai.

- Các thành viên mới đã vượt qua kỳ đánh giá chứng nhận lần đầu phải nhận một giấy chứng nhận/giấy phép có hiệu lực trong một năm. Trong quá trình đánh giá lần hai, một năm sau lần đánh giá đầu, các thành viên có thể được xem xét và đánh giá với tư cách là một 'thành viên có chứng nhận UTZ' (xem phụ chú 16).
- Thành viên có chứng nhận UTZ mà vượt qua kỳ đánh giá với số lỗi không phù hợp là từ 0 đến 2 lỗi phải nhận giấy chứng nhận/giấy phép có hiệu lực trong hai năm²². Lần đánh giá kế tiếp theo kế hoạch phải là hai năm sau. Các thành viên chỉ có thể đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận có thời hạn hiệu lực lâu hơn nếu chứng nhận của các thành viên đó không bị gián đoạn. Trong trường hợp chu kỳ chứng nhận bị gián đoạn, SCA sẽ phải thực hiện các thủ tục tương tự như thủ tục dành cho thành viên mới. Khối lượng sản phẩm giao dịch trong thời gian không chứng nhận không được phép công bố có hiệu lực trở về trước là sản phẩm UTZ khi thành viên đó được chứng nhận trở lại.
- Thành viên có chứng nhận UTZ vượt qua bất kỳ lần đánh giá cấp giấy chứng nhận nào mà có từ 3 lỗi không phù hợp trở lên sẽ phải nhận được một giấy chứng nhận/giấy phép có hiệu lực trong vòng một năm. Trong lần đánh giá chứng nhận tiếp theo, thành viên có thể lại đạt được hiệu lực trong hai năm.
- Thành viên sẽ phải thông báo cho CB về bất kỳ thay đổi nào mà có thể ảnh hưởng đến sự tuân thủ tiêu chuẩn UTZ của họ (ví dụ như các thay đổi trong hệ thống quản lý, thay đổi vị trí, v.v), dựa vào đó CB phải quyết định xem SCA có được coi là thành viên mới không.

c. Giấy chứng nhận

Đối với những SCA hoạt động ở cấp IP hoặc SG, giấy chứng nhận đầu tiên có hiệu lực bắt đầu từ ngày SCA nhận được đợt mua sản phẩm UTZ đầu tiên. Nếu SCA chưa nhận được bất kỳ sản phẩm UTZ nào, giấy chứng nhận đầu tiên có hiệu lực khi CB ra quyết định chứng nhận.

Đối với những SCA hoạt động ở cấp MB, giấy chứng nhận đầu tiên có hiệu lực bắt đầu khi CB ra quyết định chứng nhận.

Các giấy chứng nhận tiếp sau bắt đầu vào ngày sau khi giấy chứng nhận trước đó hết hạn. Thời hạn hiệu lực của giấy phép luôn gắn liền với thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận.

CB nêu rõ trên giấy chứng nhận những địa điểm nào được đưa vào giấy chứng nhận này.

d. Phạm vi địa lý của giấy chứng nhận

Đối với Cà phê và Chè (bao gồm Rooibos và Chè thảo mộc), không có giới hạn về phạm vi địa lý của chứng nhận ChoC: Các địa điểm từ tất cả các quốc gia có thể được chứng nhận cùng nhau và được đưa vào cùng một giấy chứng nhận.

Đối với Cacao và hạt phỉ (Hazelnut), các địa điểm chỉ có thể được chứng nhận cùng nhau và đưa vào cùng một giấy chứng nhận nếu có xuất xứ ở cùng một quốc gia. Nguyên tắc này có ba trường hợp ngoại lệ. Những nhóm quốc gia sau được xem là đơn vị địa lý đơn lẻ. Các địa điểm từ các quốc gia khác nhau nhưng ở cùng một đơn vị địa lý đơn lẻ có thể được chứng nhận cùng nhau và được đưa vào cùng một giấy chứng nhận.

1. EU-28²³ và EFTA (Iceland, Liechtenstein, Na Uy và Thụy Sĩ)
2. NAFTA (Canada, Mexico và Hoa Kỳ)
3. ANZCERTA (Australia và New-Zealand)
4. ASEAN²⁴ (Đông Nam Á)

²⁰ 730 ngày (hoặc 731 ngày trong trường hợp năm nhuận)

²¹ Thành viên UTZ đã đăng ký với UTZ, nhưng chưa có chứng nhận UTZ (chưa hoàn tất thành công cuộc đánh giá chứng nhận)

²² Khi nói "... sẽ nhận được một Giấy chứng nhận/Giấy phép..." như trên đây và tiếp sau trong tài liệu này, việc gia hạn hiệu lực của giấy phép/giấy chứng nhận chỉ được cấp một khi tất cả các lỗi không phù hợp (NCs) đã được khắc phục.

²³ Để biết danh sách đầy đủ, hãy truy cập <http://ec.europa.eu/eurostat/statistics-explained/index.php/Glossary:EU-28>

²⁴ Những đợt kiểm tra chéo như vậy được thực hiện với mục đích duy nhất là để đảm bảo độ tin cậy của lĩnh vực (chứng nhận bền vững) và được thực hiện với quyền tự định đoạt tối đa.

2.6. Các quyền được bảo lưu bởi UTZ

UTZ bảo lưu quyền:

- Ban hành và sửa đổi nội dung và yêu cầu nêu trong tài liệu này.
- Có quyền quyết định cuối cùng liên quan đến sự diễn giải nội dung và các yêu cầu được nêu trong tài liệu này.
- Không cho phép bất kỳ thành viên (tương lai) hay CB sẽ/đã được phê duyệt tham gia/tiếp tục chương trình UTZ nếu họ sử dụng sai tên UTZ hoặc tham gia vào hành vi lừa đảo/gian lận theo mọi hình thức chống lại chương trình UTZ và các thành viên của chương trình.
- Thực hiện đánh giá kiểm soát chất lượng bổ sung đối với các cuộc đánh giá do CB thực hiện bằng cách:
 - o Yêu cầu thêm tài liệu (ví dụ, Danh mục kiểm tra UTZ mà người cấp chứng nhận và đánh giá viên đã ký, hoặc đánh giá rủi ro)
 - o Yêu cầu làm rõ hoặc điều chỉnh thông tin báo cáo
 - o Yêu cầu chuyển thăm thực địa
 - o Thực hiện đánh giá song song, đánh giá chứng kiến hoặc đánh giá văn phòng CB
 - o Yêu cầu CB cung cấp tên, CV và bằng chứng tuân thủ các yêu cầu được mô tả trong *Yêu cầu đối với các Tổ chức Chứng nhận*.
 - o Kiểm tra chéo thông tin mà CB đã báo cáo với nguồn bên ngoài, đặc biệt cho phép kiểm tra chéo hai bên với chủ sở hữu tiêu chuẩn bền vững khác²⁵.
- Sử dụng thông tin đánh giá được báo cáo để giám sát hiệu quả làm việc, phân tích và nghiên cứu thống kê, và báo cáo tổng hợp.
- Để minh bạch, công khai các thông tin sau trên trang web của UTZ: tên, quốc gia, sản phẩm (ví dụ Cà phê), vai trò trong chuỗi cung ứng (ví dụ người sản xuất), số lượng ha, ID thành viên, tình trạng chứng nhận và giấy phép, cấp truy nguyên (ví dụ cân bằng khối lượng).
- Yêu cầu CB cung cấp thêm thông tin dựa trên báo cáo đánh giá chứng nhận và đột xuất.
- Thông báo cho CB về hành vi không đúng hoặc không phù hợp của thành viên.
- Yêu cầu đánh giá đột xuất một thành viên cụ thể và/hoặc tư vấn về chọn mẫu cho đánh giá đột xuất và/hoặc phạm vi đánh giá đột xuất.
- Yêu cầu xem xét lại khối lượng được chứng nhận và/hoặc diện tích được chứng nhận nếu có chênh lệch so với số trung bình được biết đến của quốc gia hoặc khu vực đó và chứng minh rằng CB không cung cấp lý lẽ biện hộ cho điều này.
- Từ chối yêu cầu giấy phép hoặc đình chỉ hoặc thu hồi giấy phép đang có hiệu lực trong trường hợp UTZ cho rằng thành viên không tuân thủ Bộ nguyên tắc (Code), ChoC hoặc Quy chế Chứng nhận, hoặc rằng cuộc đánh giá không được tiến hành theo Quy chế Chứng nhận này.
- Cho phép ngoại lệ đối với những yêu cầu trong Code, ChoC và/hoặc Quy chế Chứng nhận cho những thành viên và/hoặc CB chịu ảnh hưởng tiêu cực từ khủng hoảng nhân đạo, thảm họa tự nhiên hoặc những trường hợp ngoại lệ khác.
- Áp dụng Chính sách xử phạt UTZ trong trường hợp CB vi phạm các yêu cầu của Quy chế Chứng nhận này.
- Mở hoặc đóng lại quy trình nộp đơn xin trở thành CB cho các CB để trở thành một 'CB được UTZ phê duyệt' mới, và/hoặc để thay đổi các điều kiện của các tiêu chí áp dụng, ví dụ như chỉ mở quy trình áp dụng cho một phạm vi cụ thể (phạm vi về tiêu chuẩn, hàng hoá hoặc địa lý).
- Đưa ra quyết định cuối cùng về việc những gì được xem là công bố sản phẩm hay không phải công bố sản phẩm.
- Thực hiện đánh giá các thành viên đã ký kết và gửi bản Tuyên bố miễn đánh giá Quy trình giám sát nguồn gốc. Mục tiêu của các cuộc đánh giá là để xác nhận rằng các thành viên này đáp ứng các yêu cầu được miễn chứng nhận và rằng họ tuân thủ với các yêu cầu của ChoC áp dụng.

²⁵Để biết danh sách đầy đủ, hãy truy cập <http://asean.org/asean/asean-member-states>

3. TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN

Chỉ những CB đã được UTZ phê duyệt được phép thực hiện đánh giá đối với các tiêu chuẩn UTZ. Chương này mô tả nghĩa vụ và trách nhiệm đi cùng với sự phê duyệt của UTZ đối với CB.

Phiên bản 4.1 tháng 1 năm 2016 của Quy chế Chứng nhận cũng mô tả quy trình và các yêu cầu đối với các CB và nhân viên của CB để được UTZ phê duyệt (mục 3.1, 3.2 và 4.4). Các yêu cầu này vẫn còn hiệu lực nhưng đã được công bố riêng trong phần *Yêu cầu đối với các Tổ chức Chứng nhận*, có trên trang web của UTZ. Các CB và nhân viên của CB mà đã được phê chuẩn theo các phiên bản trước đó của Quy chế UTZ sẽ vẫn tiếp tục được phê duyệt, theo các điều kiện đã được giải thích trong phần *Yêu cầu đối với các Tổ chức Chứng nhận*.

UTZ cam kết đem đến một sân chơi công bằng cho các CB cung cấp chứng nhận UTZ cho các nhà sản xuất, nhóm nhà sản xuất và các thành viên chuỗi cung ứng (SCA). UTZ cũng tin rằng các nhà sản xuất, nhóm nhà sản xuất và các SCA sẽ được phục vụ tốt nhất khi họ có thể lựa chọn từ nhiều CB có khả năng cung cấp dịch vụ chất lượng cao. CB và các đối tác của họ làm việc trong hệ thống UTZ được kỳ vọng là sẽ thực hiện theo các nguyên tắc sau.

3.1. Tuân thủ ISO 17065 và/hoặc ISO 17021

Theo hệ thống cấp phép ủy quyền được sử dụng để phê duyệt CB, UTZ yêu cầu thực hiện các quy định cần thiết để tuân thủ theo tiêu chuẩn ISO 17065 hoặc ISO 17021 (chỉ dành cho ChoC). Hơn nữa, các CB phải áp dụng các quy định này cho chương trình UTZ, ngoài các yêu cầu nêu trong Quy chế Chứng nhận này.

3.2. Tính công bằng và bảo mật

Trong các cuộc đánh giá văn phòng (xem *Yêu cầu đối với các Tổ chức Chứng nhận*) và vào bất kỳ thời điểm nào khác theo yêu cầu, các CB sẽ phải cung cấp được cho UTZ thông tin tài chính cho thấy doanh thu phát sinh từ riêng các hoạt động chứng nhận đủ để chi trả các chi phí liên quan như thế nào (các nguồn thu nhập từ các hoạt động khác không được sử dụng và phải đảm bảo sự độc lập về tài chính).

Người cấp chứng nhận và đánh giá viên được kỳ vọng hoàn tất công việc của mình với tiêu chuẩn đạo đức cao nhất. Họ không được phép thực hiện bất kỳ hoạt động nào có thể ảnh hưởng đến tính công bằng hoặc tính bảo mật. Người cấp chứng nhận và đánh giá viên phải ngay lập tức báo cáo bất kỳ tình huống nào có thể gây ảnh hưởng tới tính công bằng và tính bảo mật của họ cho bộ phận quản lý CB của họ. Các ví dụ bao gồm nhưng không giới hạn:

- Người cấp chứng nhận và đánh giá viên sẽ không được phép đánh giá những khách hàng mà họ có liên quan tài chính hoặc thương mại.
- Người cấp chứng nhận và đánh giá viên sẽ không được phép đánh giá những khách hàng mà họ có quan hệ cá nhân (ví dụ bạn bè, gia đình hoặc người thân quen).
- Người cấp chứng nhận và đánh giá viên không được phép thực hiện các hoạt động tư vấn cho thành viên mà họ hoặc CB của họ thực hiện đánh giá và họ không được đã từng là nhân viên hoặc nhà thầu độc lập (ví dụ, cố vấn, tư vấn viên, hoặc đào tạo viên) cho những thành viên này trong vòng 2 năm trước cuộc đánh giá.

Đào tạo không được coi là tư vấn, vì vậy các CB được tự do đào tạo cho khách hàng của họ, với các điều kiện sau:

- Đào tạo viên không được làm đánh giá viên hoặc người cấp chứng nhận cho cùng một khách hàng tham gia đào tạo trong thời gian 2 năm (ngay cả khi đào tạo đó dựa trên một tiêu chuẩn khác).

- Đào tạo được giới hạn trong việc giải thích cho người tham gia về nội dung và các chủ đề được đề cập đến trong các tiêu chuẩn UTZ. Việc cung cấp giải thích về cách mà các chủ đề UTZ nên được thực hiện được coi là tư vấn.
- Việc đào tạo phải được tách biệt rõ ràng với các hoạt động chứng nhận và không thể đại diện cho bất kỳ nghĩa vụ nào đối với khách hàng.

Nếu CB thực hiện cuộc đánh giá trước cho một thành viên, CB phải đảm bảo rằng đánh giá viên thực hiện cuộc đánh giá trước đó không thực hiện cuộc đánh giá chứng nhận hay tham gia vào quyết định chứng nhận.

Để duy trì tính liêm chính chuyên nghiệp, CB phải tránh việc một đánh giá viên thực hiện trên ba cuộc đánh giá liên tục cho cùng một thành viên (bao gồm đánh giá đột xuất và đánh giá tiến hành trong khi làm việc cho CB khác, không bao gồm đánh giá theo dõi thực tế và đánh giá đột xuất)²⁶. CB phải lên kế hoạch đào tạo và phê duyệt các đánh giá viên trước để đảm bảo luân chuyển đánh giá viên theo dự định.

Người cấp chứng nhận và đánh giá viên phải tuân thủ nghiêm ngặt và coi trọng quy trình nội bộ về bảo mật thông tin và hồ sơ của cả CB và thành viên. Thông tin và hồ sơ của cuộc đánh giá chỉ có thể được đưa cho bên thứ ba không phải là UTZ nếu được sự đồng ý bằng văn bản của khách hàng và CB.

Nếu CB có bất kỳ nghi ngờ nào về tính công bằng, tính độc lập và tính bảo mật, phải thảo luận với UTZ (bằng cách gửi e-mail đến cbmanagement@utz.org).

3.3. Báo cáo kết quả đánh giá và đề nghị cấp phép

CB phải báo cáo kết quả đánh giá chứng nhận (các cuộc đánh giá đưa tới quyết định chứng nhận tích cực cũng như tiêu cực) và đề nghị giấy phép cho thành viên đã được chứng nhận trong hệ thống truy nguyên UTZ bằng cách:

- Điền đơn đề nghị cấp giấy phép
- Tải giấy chứng nhận UTZ lên
- Tải danh sách thành viên nhóm lên (chỉ đối với chứng nhận nhóm và đa nhóm). Mẫu giấy chứng nhận UTZ và mẫu danh sách thành viên nhóm mà phải được sử dụng cho việc này có theo yêu cầu tại cbmanagement@utz.org. Giấy chứng nhận UTZ và danh sách thành viên nhóm tải lên phải bao gồm ít nhất thông tin có trong các mẫu này.

CB sẽ phải cung cấp thông tin chính xác. Tất cả các thông tin cung cấp trong báo cáo tổng hợp phải dựa trên quan sát thực địa, hồ sơ bằng văn bản và phỏng vấn thành viên.

3.4. Đánh giá đột xuất

Mục đích

Các đánh giá đột xuất là nhằm hai mục đích:

- 1) để đánh giá xem thành viên được chứng nhận có còn tuân thủ không, và;
- 2) để đánh giá hiệu quả làm việc của các đánh giá viên của CB. Như vậy, đánh giá viên tiến hành đánh giá đột xuất phải là một người khác không phải là đánh giá viên đã thực hiện đánh giá chứng nhận (lại) trước đó.

Số lượng

Mỗi năm dương lịch, CB nào đã cấp 10 giấy chứng nhận UTZ trở lên trong năm trước đó phải thực hiện đánh giá đột xuất

²⁶ Những đợt thanh tra thực hiện trước ngày 1 tháng 7 năm 2015, ngày triển khai Quy chế Chứng nhận phiên bản 4.0, không được tính đến cho nguyên tắc này.

Số lượng đánh giá đột xuất do một CB thực hiện phải ít nhất bằng 10% (làm tròn xuống số nguyên tiếp theo) tổng số giấy chứng nhận UTZ mà CB cấp trong năm trước đó (tất cả các sản phẩm và phạm vi cộng lại)²⁷.

Phạm vi và thời lượng

Thời lượng tối thiểu của một cuộc đánh giá đột xuất được nêu trong bảng dưới đây:

| | Đơn lẻ/Đa địa điểm | Nhóm/Đa nhóm |
|-------------------------------------|-------------------------|---|
| Bộ Nguyên tắc | Tối thiểu 0,5 ngày công | Tối thiểu 2 ngày công (không tính thời gian đi lại) <i>Lưu ý: Trong quá trình đánh giá đột xuất, phải xác minh IMS và phải kiểm tra chéo việc thực hiện tốt của IMS thông qua việc xác minh các điểm kiểm soát liên quan ở cấp độ nông dân.</i> |
| Quy trình giám sát nguồn gốc | Tối thiểu 2 giờ | Tối thiểu 2 giờ đối với vị trí trung tâm + ít nhất 2 giờ cho mỗi một địa điểm mẫu (không tính thời gian đi lại). <i>Lưu ý: Các địa điểm mẫu phải trải qua một cuộc đánh giá qua giấy tờ hoặc đánh giá thực tế tùy thuộc vào cấp truy nguyên, xem các quy định được giải thích trong phần "Tùy chọn 2: Chứng nhận đa địa điểm" của mục 2.5.1.</i> |

CB phải sử dụng phiên bản Tiêu chuẩn Bộ Nguyên tắc UTZ (bao gồm mô-đun cho sản phẩm cụ thể) hoặc tiêu chuẩn Quy trình giám sát nguồn gốc được sử dụng trong cuộc đánh giá chứng nhận (lại) trước đó.

Lựa chọn thành viên, mẫu và điểm kiểm soát

Số thành viên Code và ChoC được chọn nhận đánh giá đột xuất phải tỉ lệ thuận với tổng số cuộc đánh giá Code và ChoC được thực hiện trong năm trước đó. Việc chọn thành viên Code và ChoC nhận đánh giá đột xuất phải dựa trên các tiêu chí sau, sẽ được áp dụng theo trình tự:

1. các yêu cầu nhận được từ UTZ (nếu có);
2. đánh giá dựa trên rủi ro của CB, có tính đến số lượng và mức độ nghiêm trọng của các lỗi không phù hợp đã xác định trong cuộc đánh giá chứng nhận (lại) trước đó, và việc thực hiện các khắc phục và hành động khắc phục và các lý do thích đáng khác mà CB có thể có;
3. các than phiền nhận được về thành viên đó (ví dụ, từ chính phủ, các tổ chức phi chính phủ (NGO) hoặc UTZ);
4. khoảng thời gian đánh giá hàng năm được thực hiện (có trong vụ thu hoạch hay không), xem trong phần "Thời điểm" bên dưới;
5. các thành viên mới đang ở trong năm chứng nhận đầu tiên;
6. luân phiên – các thành viên chưa nhận được đánh giá đột xuất;
7. lựa chọn ngẫu nhiên.

Mẫu nông dân (trong trường hợp chứng nhận (đa) nhóm) hoặc địa điểm (trong trường hợp chứng nhận đa địa điểm) cũng như lựa chọn các điểm kiểm soát để được kiểm tra trong cuộc đánh giá đột xuất được quyết định dựa trên đánh giá rủi ro của CB. Lý do lựa chọn thành viên, cũng như đánh giá rủi ro của CB cùng với lý do chọn mẫu và các điểm kiểm soát đã chọn phải được nộp cho UTZ cùng với báo cáo kết quả của cuộc đánh giá đột xuất

Thời điểm

²⁷ Có tính đến các quy định về tần số đánh giá ChoC, số lượng các cuộc đánh giá đột xuất vẫn sẽ được tính dựa trên số giấy chứng nhận CB đã cấp trong năm dương lịch trước đó.

Đánh giá đột xuất phải được thực hiện ít nhất ba tháng sau cuộc đánh giá chứng nhận gần nhất. Đối với các thành viên Code có trên một vụ thu hoạch mỗi năm và chưa nhận cuộc đánh giá chứng nhận cuối cùng trong vụ thu hoạch đó, sẽ phải thực hiện đánh giá đột xuất trong vụ thu hoạch đó.

Các thành viên nhận được đánh giá đột xuất phải được thông báo muộn nhất có thể, tối đa là trước 72 giờ.

Thanh toán

Các CB không được phép yêu cầu thanh toán thêm đối với thành viên nhận đánh giá đột xuất. UTZ do đó khuyên rằng các CB nên tính cả chi phí đánh giá đột xuất trong khoản phí tính cho tất cả các thành viên cho đánh giá hàng năm của họ.

Lỗi không phù hợp

Nếu không tìm thấy lỗi không phù hợp nào trong khi đánh giá đột xuất, thành viên được duy trì giấy chứng nhận của mình.

Nếu tìm thấy lỗi không phù hợp, chúng phải được xử lý giống như những lỗi không phù hợp phát hiện trong đợt đánh giá chứng nhận (đã mô tả trong điểm d-g của mục 2.3.2). Khác biệt duy nhất là việc giải quyết tất cả những lỗi không phù hợp không có nghĩa là một giấy chứng nhận mới sẽ được cấp, mà nó có nghĩa là chứng nhận hiện tại sẽ được duy trì. Không giải quyết các lỗi không phù hợp sẽ dẫn tới đình chỉ và/hoặc thu hồi giấy chứng nhận hiện tại.

Nộp kết quả đánh giá đột xuất cho UTZ

Kết quả báo cáo của mỗi đánh giá đột xuất phải được nộp cho UTZ (cbmanagement@utz.org) trong vòng 13 tuần sau khi thực hiện đánh giá đột xuất đó. Đối với mỗi đánh giá đột xuất, báo cáo này bao gồm:

- Giải thích lý do tại sao thành viên đó được lựa chọn và đánh giá rủi ro của CB, với lý do chọn mẫu và các điểm kiểm soát (sẽ được chỉ ra trong Mẫu Báo cáo Đánh giá bổ sung), và;
- Danh mục kiểm tra UTZ, báo cáo tóm tắt đánh giá UTZ, báo cáo đánh giá đột xuất của CB (đã được đánh giá viên và người cấp chứng nhận ký và đề ngày). Các nhận xét phải được đưa vào danh mục kiểm tra UTZ cho các điểm kiểm soát đã chọn mà được đánh giá trong cuộc đánh giá đột xuất (ít nhất là chỉ ra một mô tả bằng chứng). Ngoài ra, CB cần nêu rõ trong danh mục kiểm tra UTZ là các lỗi không phù hợp đã được khắc phục chưa, khắc phục như thế nào và khi nào.

Danh mục kiểm tra UTZ, mẫu đánh giá rủi ro của CB và Mẫu Báo cáo Đánh giá Bổ sung phải được sử dụng cho báo cáo này có theo yêu cầu từ cbmanagement@utz.org.

Các CB phải gửi tổng quan tóm tắt về tất cả các cuộc đánh giá đột xuất đã thực hiện trong năm gần nhất cùng với báo cáo hàng năm (xem bên dưới).

3.5. Báo cáo hàng năm

Tất cả các CB phải báo cáo hàng năm cho UTZ về:

- các cuộc đánh giá hàng năm đã thực hiện trong năm dương lịch trước đó;
- các đánh giá viên được thuê/ký hợp đồng trong năm dương lịch trước đó, năm hiện tại và năm sau;
- tổng quan tóm tắt về tất cả các cuộc đánh giá đột xuất đã thực hiện trong năm trước đó (nếu có).

Báo cáo phải được hoàn thành trước ngày 31 tháng 1 của năm tiếp theo. Định dạng báo cáo hàng năm có theo yêu cầu tại cbmanagement@utz.org. Việc không nộp báo cáo hàng năm và kết quả đánh giá đột xuất đúng hạn có thể ảnh hưởng đến điểm số Giám sát CB và/hoặc dẫn đến bị xử phạt.

UTZ sẽ xem xét tất cả các báo cáo hàng năm và lựa chọn kết quả đánh giá đột xuất đã nộp.

3.6. Bảo vệ tính toàn vẹn của UTZ

Trong trường hợp CB phát hiện lỗi không phù hợp với tiêu chuẩn UTZ có thể gây tổn hại tính toàn vẹn của UTZ, CB phải thông báo cho UTZ những phát hiện của mình, sau đó vào thời điểm thích hợp, thực hiện nghiên cứu trường hợp có ghi tài liệu bao gồm hành động CB sẽ thực hiện.

3.7. Thông tin về UTZ và việc sử dụng logo UTZ

Logo UTZ là tài liệu bản quyền và là thương hiệu có đăng ký, do Tổ chức UTZ sở hữu. CB đã được phê duyệt có thể sử dụng logo UTZ trên giấy chứng nhận Code và ChoC mà họ cấp. Mọi thông tin của UTZ về trang chủ, thư mục, sách giới thiệu hay tư liệu nào khác của CB phải được kiểm tra trước khi phát hành (bằng cách gửi e-mail tới cbmanagement@utz.org).

3.8. Phí

Hiện tại, UTZ không tính bất cứ khoản phí nào cho CB đối với quy trình phê duyệt hay thực hiện các hoạt động kiểm tra và chứng nhận trong khung làm việc của chương trình UTZ. UTZ bảo lưu quyền áp dụng phí trong tương lai, sau khi có thông báo trước cho CB.

4. BẢO ĐẢM CỦA CHƯƠNG TRÌNH UTZ

4.1. Thủ tục Khiếu nại

Mọi khiếu nại liên quan đến UTZ phải được xử lý theo Thủ tục Khiếu nại của UTZ, có trên website của UTZ.

4.2. Hệ thống Giám sát CB

Mục tiêu chính của Hệ thống Giám sát CB của UTZ là để đảm bảo các cuộc đánh giá thực hiện theo tiêu chuẩn UTZ được nhất quán và có chất lượng cao. Nó bao gồm đánh giá định kỳ hiệu quả làm việc của CB theo một loạt nhân tố chỉ định đã xác định trước. CB phải sử dụng kết quả của những cuộc đánh giá này để cải tiến liên tục. Một bản mô tả chi tiết Hệ thống Giám sát CB của UTZ có thể được tìm thấy trong phần *Yêu cầu đối với các Tổ chức Chứng nhận*, có sẵn trên trang web của UTZ.

4.3. Chính sách xử phạt

UTZ bảo lưu quyền xử phạt CB dựa trên chứng cứ về quy trình không đúng hoặc hành vi hủy hoại uy tín của UTZ và/hoặc gây nguy hại hệ thống bảo đảm của UTZ. Một giải thích đầy đủ của quy trình và các hình thức xử phạt khác nhau có thể được tìm thấy trong phần *Yêu cầu đối với các Tổ chức Chứng nhận*, có sẵn trên trang web của UTZ.

4.4. Chương trình Đào tạo CB

Các yêu cầu của Chương trình Đào tạo CB vẫn còn hiệu lực, nhưng hiện đã được đưa vào phần *Yêu cầu đối với các Tổ chức Chứng nhận*, có sẵn trên trang web của UTZ.